

ĐẠI TỖ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ

QUYỂN 11

Phẩm 6: TẮT-ĐỊA XUẤT THIÊN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại quán sát các đại chúng trong hội vì muốn đầy đủ tất cả nguyện nên lại nói: Ba đời Vô lượng môn quyết định trí Viên mãn pháp cú.

Phật quán sát đại chúng đều có nhân duyên. Nên trước dùng tâm Phật mà quán sát các thể tướng chủng tánh của chúng sinh ấy, có khả năng thọ nhận pháp nào, dùng thứ nào thì được lợi ích. Quán sát như thế xong thì biết nói cho họ nghe pháp môn ấy thì được ngộ nhập, vì muốn nói thì trước phải quán sát căn cơ, ba đời vô lượng quyết định trí môn, nghĩa một niệm trong ba đời vô lượng trí môn đều vô ngại. Phật dùng các thứ phương tiện mà nói diệu pháp này. Tất cả chúng sinh đều tùy trí môn thích ứng mà được quyết định. Môn ấy vô lượng nên gọi là Vô lượng môn.

Phật quán sát đại chúng trong hội mà nói cho nghe phổ môn pháp giới thứ nhập môn này, là muốn khiến cho đều tùy bản duyên mà được quyết định nên gọi là quyết định trí môn.

Pháp cú nghĩa là trước gặp sự, rồi từ Sự sinh ra Lý, nên gọi là Cú, đây là y theo câu kệ pháp mà đặt tên.

Mãn túc là nhập vào pháp môn này có công năng sinh ra pháp môn, sinh ra pháp giới vô tướng Như Lai tự chứng bí mật pháp, sắp muốn dùng pháp như thế làm đầy đủ cho tất cả chúng sinh, không để luống qua. Cú đây tức là kệ. Chưa kịp hiểu câu sau lấy nghĩa làm kệ.

Hư không vô cấu, vô tự tánh, có công năng trao cho các thứ các xảo trí. Nghĩa là Nhất thiết trí và tâm trí đều không, vô cấu, vô lượng, vô ngại, vô phân biệt. Tức là pháp đại không hiện chứng của chư Phật.

Vô tự tánh nghĩa là không này là vô cấu thanh tịnh pháp giới, cũng lại không có tự tánh, chẳng thể chấp lấy. Vì như thế tức là Đại không. Vô vi cũng không có tự tánh vì làm sinh trí Nhất thiết trí, tức là

xảo trí, là tên khác của trí vậy. Nếu không có xảo trí thì đâu thể tùy tất cả các thứ tâm hạnh của chúng sinh mà thấy chỗ thân ưa thích của họ để nói pháp đáng nghe, xứng cơ dễ hiểu, chẳng đối gạt mà vào tất cả pháp giới Bình đẳng, tức là khéo nhất trong các khéo. Vì bình đẳng không cũng không có tự tánh.

Có tướng sinh diệt cũng lại không tánh, nên đối với pháp rất tự tại, sinh ra xảo trí, nguyện khắp cùng tất cả chúng sinh độ lượng chẳng thể nghĩ bàn. Do bản tự tánh là thường không nên duyên khởi sâu xa khó có thể thấy. Đây là tự tánh không, chẳng thật có, tức là pháp thân Phật đệ nhất thường trụ, vì lìa không, phi không... tám tướng điên đảo. Đó tức là pháp sâu xa duyên khởi, vô vi, không tạo tác, không khả năng, bất động pháp giới mà khắp ứng chúng sinh, cơ ứng liên quan nhau như trăng hiện dưới đáy nước trong. Như thế là pháp duyên khởi chẳng thể nghĩ bàn.

Đối với lúc thường hằng thời thù thắng tấn, tùy niệm thí cho quả vô thượng. Hoàn nghĩa là thường tu pháp hạnh như thế, cho đến Đại không cũng chẳng thể được. Vì không tự tánh nên cũng như Đại không mà sinh khởi muôn hạnh. Đây là hạnh sâu xa bình đẳng pháp giới.

Nếu hành giả thường làm được như thế là tùy chỗ nghĩ chuyện của chúng sinh mà khiến cho đầy đủ. Cho đến đại nguyện vô thượng cũng có thể ban cho họ. Ví như tất cả đến nhà đều nường hư không chẳng dính mắc mà đi. Ở đây hai người không tin hiểu nên phải dùng ví dụ. Tất cả thế gian đều phải nường hư không mà được an trụ, nhưng đại không này lại không có chỗ nường, nên không nghĩ rằng tất cả thế gian do ta mà sinh, nường ta mà ở. Thế gian này đối với hư không mà chẳng nghĩ ân đức nên chẳng nghĩ đến việc phải đền đáp. Vì năng lực của không này giúp ta được an ổn như thế. Vì sao? Vì chẳng thấy hư không có tạo tác nên chẳng nghĩ đền đáp.

Kế là nói: Pháp thanh tịnh này cũng giống như thế. Ba hữu vô dư không sót, thanh tịnh sinh ra. Hợp rằng như trên đã nói, cũng đồng với không, trừ chướng ba hữu, khiến không có dư, sinh ra pháp thanh tịnh, tức là sinh pháp tánh thanh tịnh diệu thân.

Kế nói: Vì xưa thắng sinh tu hành ở đây, có được tất cả hạnh Như Lai, lại dẫn xưa làm chứng. Thắng sinh tức là Tiên sinh, Tiên sinh là trước biết pháp ấy. Nếu biết, pháp này tức là vô tận trang nghiêm, Vô tận trang nghiêm là định tuệ Thần lực của tạng Diệu nghiêm. Nghĩa là Bồ-tát ở quá khứ tên là Thắng Sinh Nghiêm, đây chính là đệ tử Phật, tức là người tu hành trước như nói tiên sinh. Tiếng Phạm là Tịch bộ, là

chẳng lâu sẽ đầy đủ các thứ tài bảo, tức là pháp tài. Đức này để nghiêm thân, là hiểu được pháp như thế, tất cả chư Phật đều được pháp này.

Kế là nói: Chẳng có câu khác thì khó có thể được, làm đời khắp sáng như Thế Tôn. Ý kế nói rằng nếu lìa đây lại đối với pháp cú khác mà thành được như thế quả pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, thì không có việc ấy. Dù cho ở trong đó mà tìm cầu thì cũng không được lý. Như trong nước mà tìm dầu, không thể có việc ấy. Nếu người được tự chứng này mà không phải khác thì pháp chẳng do người khác mà ngộ. Tức có công năng chiếu sáng thế gian như mặt trời chiếu sáng. Cũng như khi Phật ra đời, thì hay vì tất cả thế gian vô minh mà làm ánh sáng rực rỡ.

Nói pháp tu hành cực thanh tịnh, rộng sâu vô tận lìa phân biệt. Là Phật nói pháp này cực thanh tịnh. Không phân biệt, lìa phân biệt sâu xa tự chứng pháp này rộng sâu chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể phá hoại, không có cùng tận tức là ý khen đức của pháp.

Bấy giờ, Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn nói Già-đà này xong rồi, quán sát Kim Cang Thủ... tất cả đại chúng, bảo Chấp Kim Cang rằng: Nay này người Thiện nam! Mỗi cõi đều hiện pháp giới Thần lực. Thần lực cũng là động dụng Thần biến. Thần biến này là nghĩa rộng, từ một được nhiều. Tất-địa lưu xuất cú, nếu chúng sinh thấy pháp như thế mà vui mừng hớn hở được Lạc thọ trụ. Phật xem đại chúng đều có nhân duyên, đều muốn khiến họ đều nói từ pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận năng lực thần thông tự tại lưu xuất ra câu Tất-địa.

Lưu xuất này gọi là môn, tiếng Phạm có nhiều nghĩa, nay trong đây ý lưu xuất sang tỏ. Nghĩa là từ tự chứng pháp giới tâm Phật mà lưu xuất ra vô lượng môn xảo trí, tức là như trước mỗi vị Bồ-tát Kim Cang đều là Đức nội chứng của Như Lai. Từ đây hiện ra pháp môn. Môn có truyền pháp nhiếp chúng sinh thì dẫn họ một loại từ môn này mà vào, mà đến địa Nhất thiết trí. Ý Phật khiến họ mỗi người đều nói nhập vào môn thật tướng.

Nếu chúng sinh nào có căn tánh đó thì sẽ sinh vui mừng phát khởi gốc lành, tức từ môn nào mà thành hạnh thắng tấn trụ vào hạnh an vui của Như Lai. Lúc đó các Chấp Kim Cang đánh lễ Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na. Như thế pháp chủ y giáo mà ra lệnh, là y lệnh của Phật không dám trái. Song Như Lai là pháp chủ. Nếu ở trước pháp chủ đều nói khác thì chẳng phải là thỉnh Phật tự nói khiến tất cả đều nghe. Vì sao? Vì Thế Tôn ở trước Thế Tôn tự nói như thế tùy pháp thông đạt, chẳng phải là chỗ đáng làm, đây là văn hồi hướng.

Lúc đó, các Kim Cang lại thỉnh Phật nói: Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót chúng con hiện bày Tất-địa Lưu xuất cú. Vì sao? Vì ở trước Tôn giả Bạc-già-phạm mà tự tuyên bày pháp thông đạt, chẳng phải là chỗ nên làm, ý này thế nào?

Như Lai là Pháp vương tôn thắng vô thượng, vì đối với pháp này hiện tiền thông đạt, rốt ráo thông đạt, rốt ráo thông suốt không sót. Chúng con nhờ ân Đức Phật đều từ một môn tùy tâm lượng mình mà được thông đạt. Nếu ở trước Đại Pháp Chủ mà xưng nói thì không nên làm, đây chỉ là ý hổ thẹn, khiêm nhường xin nêu ý như thế, mong Phật tự nói. Vì sao? Vì chúng sinh đời vị lai sẽ được gặp pháp này mà được lợi ích lớn, mở bày tri kiến Phật mau được thành tựu hạnh an lạc của Như Lai. Nói như thế xong, Như Lai liền bảo Kim Cang Thủ rằng: Lành thay, lành thay! Này người Thiện nam! Pháp Như Lai nói đây trong thành Tỳ-nại-da tất cả đều khen.

Cái gọi là có khác nhau, nếu có khác nhau, này các thiện nam, thiện nữ nếu thấy pháp như thế thì mau sinh hai việc: là chẳng làm việc chẳng nên làm mọi người đều khen ngợi, là ý thầm khen rằng: các Thiện sĩ này tuy đã thông suốt môn mình vào nhưng vì kính tin Như Lai mà hổ thẹn chẳng dám nói ra, phải biết đó là tướng thiện sĩ, cho nên nói: Lành thay, lành thay!

Kế là do việc làm mà dẫn dắt, cho nên nói trong pháp luật Như Lai nói ra chỉ thường khen ngợi một pháp, đó là hổ thẹn. Tiếng Phạm ở phương Tây khác tên với hổ thẹn, lại giải thích tầm quý là hổ thẹn. Nếu người có tâm hổ thẹn tức là có tầm quý. Như Lai thường khen ngợi một pháp này. Nếu người biết hổ thẹn thì sẽ thành tựu được hạnh bí mật, phải biết tức là chỗ phát tích. Cho nên vì có hổ thẹn mà có được hai pháp:

1. Sự nghiệp chẳng nên làm đều chẳng làm. Thế nào là chẳng nên làm? Như người thế gian đều quán sát trong chủng tánh mình, việc chẳng nên làm thì chẳng dám làm. Thế gian gọi là người biết hổ thẹn. Nay thiện nam cũng thế. Ở trong chủng tánh Như Lai mà tự quán sát, như tất cả nghiệp ác trong pháp này đều phải không làm. Đó là một.

2. Do chẳng làm ác thì được Như Lai khen ngợi. Chẳng phải chỉ có Như Lai mà còn được chư Phật mười phương, trời, người, A-tu-la, Sa-môn, Bà-la-môn và Phạm, Thích, đại chúng ngợi khen truyền bảo nhau. Đây là quả báo chẳng làm các điều ác. Lại chúng khen ngợi tức là làm đủ tất cả điều lành. Do đủ tất cả điều lành nên được đại chúng khen ngợi.

Lại có hai việc đó là chưa đến khiến đến. Chưa đến khiến đến là đến được trí Nhất thiết trí châu diệu bảo. Do có hổ thẹn nên làm được hai pháp, do được hai pháp trước nên đến được chỗ đến, xưa chưa ngộ mà nay được ngộ, xưa chưa nghe mà nay được nghe. Đó là một, hai là do được đến chỗ chưa đến tức là sinh trong chủng tánh Như Lai, cùng tất cả Phật và Bồ-tát đồng một chỗ, thường chẳng xa lìa vi diệu thắng tấn tịnh tấn, tức là hai.

Lại có hai việc, tức là trụ trong Thi-la (giới), dứt nóng nảy, được mát mẻ là nghĩa Thi-la. Như khi nóng bức thì nghỉ đến nhà mát ao mát được vào tức là lìa các nạn nóng bức. Lại như người bệnh nóng mà được trừ bệnh Nhiệt độc, tức thì thân tâm mát mẻ khéo được an vui đồng nghĩa với mát mẻ. Người Bồ-tát tánh giới thành tựu chẳng do chế giới nhậm vận mà có. Ví như biển lớn tánh nó tự như thế, chẳng chứa thầy chết, chẳng phải có người khiến nó như thế. Không đồng với giới Thanh văn. Hai là pháp, do có giới, nên thường sinh làm trời người. Đây gọi là Địa vị chưa được pháp thân, đời đời chỗ sinh thường ở trong trời, người, được lìa chướng thấy Phật nghe pháp, đó là lợi ích rộng lớn.

Lành thay! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ giảng nói Chân ngôn thành tựu lưu xuất tương ứng cú. Lành thay này có hai nhân, đó là Phật khen đức Hiền thiện ấy mà bảo hãy khéo lắng nghe. Lưu xuất là như Phật phát ra ánh sáng ở trước có chỗ ra tức là phía trước mặt chỗ sợi lông trắng, đánh kể, khi làm Phật sự rồi thì đi quanh khắp xong lại trở vào. Lưu xuất ra chân ngôn này cũng giống như thế. Phải biết từ trong chân ngôn mà lưu xuất ra. Tức là quả Tất-địa Lưu xuất. Chân ngôn này vốn từ đức tự chứng của Như Lai trong tâm địa Phật mà xuất hiện, làm vô lượng pháp môn, làm Phật sự lớn. Làm Phật sự xong thì khiến họ phải độ chúng sinh. Tức từ môn này mà vào pháp giới Phật, nên gọi là lưu xuất. Cho nên nói đây là câu lưu xuất tương ứng các Bồ-tát tu Bồ-đề trong môn Chân ngôn. Mau chóng ở trong ấy sẽ được quả Chân ngôn Tất-địa. Quả trong đây nghĩa là được quả trí Nhất thiết trí không thể suy nghĩ bàn luận.

Kế là phần đầu nếu người tu thấy Mạn-đồ-la tôn quý chỗ ấn khả thành tựu chân ngữ. Từ đây trở đi lại nói pháp thứ lớp cúng dường. Trước được thấy Mạn-đồ-la. Không phải chỉ được thấy mà còn được Đại sư gia pháp dẫn vào như trước đã nói. Không phải chỉ được mà thôi còn phải thứ lớp tu hành, tùy pháp tu hành mà được A-xà-lê ấn khả truyền pháp. Vì được ấn khả quán đánh.

Kế là nói chân ngôn thành tựu.

Lại nữa, trong phẩm Thế Gian Trì Tụng, trước quán trong ánh tròn sáng có hoàn nhiều chân ngôn tự luân. Khi tụng niệm thì từ chữ đầu từ trong miệng mà vào, lưu nhập vào thân, cũng như hít vào thì chạy khắp toàn thân. Đây là Thần lực tự tại của Như Lai gia trì. Niệm như thế có công năng trừ tất cả nghiệp cấu của chúng sinh biến khắp thân như thế rồi lại từ miệng ra mà vào, dưới chân khắp đến các chỗ. Như thế khi mỗi chữ lưu nhập thì chữ kế liền tiếp nối không dứt, thứ lớp liền nhau. Nếu người mới học sợ tâm tán loạn chẳng thể thành như thế, thì chỉ quán chữ hạt giống như trước đã làm. Phải dốc lòng xuyên suốt mà tu tập, dần dần sẽ thêm chữ. Dem một đoạn này vào phẩm trước như trước đã nói.

Thấy Mạn-đồ-la lại được vào rồi làm các pháp sự, được vào quán đánh, lại được thọ pháp, đúng như pháp mà tu hành. Khéo hiểu trong chân ngôn thứ lớp pháp dụng, sáng tỏ vô ngại. Có khả năng truyền pháp được Sư ấn khả. Kinh nói tôn giả tức là sư. Lại phát tâm Bồ-đề, đó gọi là cầu nghiệp Như Lai tự tại. Vì phổ môn lợi ích tất cả chúng sinh mà thực hành hạnh này, chẳng phải là việc khác.

Tin sâu Từ bi không có bồn sển, nghĩa là đối với pháp không thể nghĩ bàn sâu xa rộng lớn, quyết định chánh tín không có tâm nghi. Lại đối với tài pháp tâm không bồn sển, dùng tâm đại Từ bi thương xót tất cả, thường thực hành hạnh lợi tha chẳng cầu tự lợi. Trụ trong Điều phục, nghĩa là tự điều phục sáu căn. Đây là tánh giới.

Khéo léo phân biệt pháp từ duyên sinh ra. Thí như gương sáng hiện các đối sắc rõ ràng hiện tiền. Các pháp như thế chẳng phải do trong gương trước có, chẳng phải do sắc từ ngoài vào. Phải biết hai pháp hòa hợp cũng không thể sinh, ở trong đó rất rõ ràng. Chẳng nên chấp lấy, chẳng nên cầu được, mà cũng chẳng phải có, chẳng phải không, chỉ từ các duyên hòa hợp nên có thể thấy. Như thế tất cả pháp phải biết cũng thế. Cho đến mười dụ đều thông suốt. Quán như thế rồi, đối với quả Chân ngôn Tất-địa cũng quán như thế. Do tự trì tụng và bốn tôn chân ngôn hòa hợp nhân duyên, thì có tất cả việc không thể nghĩ bàn.

Pháp giới cảnh tượng chẳng nên đấm trước, các thứ thành tựu. Thọ trì giới cấm tức là cụ giới của trì minh, đối với mỗi pháp đều khéo thọ trì.

Vì nhân duyên ấy chẳng phạm pháp Tam-muội-da, được Tất-địa thành tựu. Khéo trụ chúng học, tức là tướng chân ngôn môn thành tựu pháp Thượng trung hạ, mỗi tướng ứng với học sự đều khéo thông đạt, tức là khéo trụ trong pháp Thượng trung hạ. Đủ phương tiện khéo léo, tức là thể giải dụng khéo léo của Như Lai. Như khi tu hành Chân ngôn

hoặc đối với pháp giới Nhị thừa xuất gia có sự trái phạm thì chẳng nên sinh mê chấp như thế, phải biết bỏ tâm ác mà hại cho chánh tu. Vì sao? Như Lai có phương tiện chỉ là việc nhân duyên lớn như thế. Nếu chẳng trì phương tiện các thừa thanh tịnh giới mà ngại hạnh chân ngôn tròn đầy thì không có việc đó.

Cho nên người tu nếu khi có phạm thì phải nghĩ là nay ta chỉ cầu Đại thừa vô thượng khắp lợi ích tất cả hữu tình. Sự chẳng gồm toại nên ở trong đó có sự trái phạm. Nếu ta được thành tựu quả rồi thì phải hối lỗi. Vì tâm lành này chẳng phải nhân duyên phạm giới nên không gọi là phạm giới. Nghĩa mạnh mẽ thì như đã nói trong phần sư và đệ tử ở trước. Biết thời và phi thời là trọng môn Chân ngôn mỗi mỗi thứ lớp pháp dụng, chẳng được bỏ trước đấm sau, bỏ sau đấm trước, việc nào đáng làm trước thì làm trước, việc nào đáng làm sau thì làm sau cũng giống như thế, tức gọi là thời. Cho đến các hành vi ăn uống ngủ nghỉ, đều có tướng thời và phi thời. Như hành giả chân ngôn, nếu như ngày thì ngủ, suốt đêm chẳng ngủ, các việc như thế cũng không phải Tam-muội-da vì không hợp thời.

Người thích thực hành hạnh tuệ xả (bố thí) là Bồ-tát Chân ngôn hạnh thường bố thí tài pháp, nhiếp lấy chúng sinh khiến vào Phật đạo. Nếu chẳng như thế thì tùy sức mà làm, tức là phạm trì minh giới. Tâm không sợ hãi, nếu ở trong chúng có các chúng sinh hiểu khác thấy khác, hoặc dứt nghi hoặc thử hỏi cạn sâu nên có sự hỏi han.

Bấy giờ, an trụ trong pháp dùng tâm vô úy, tâm không chấp đấm, tùy câu hỏi mà nói khiến được vào Chánh kiến, tâm không còn yếu hèn. Siêng tu hạnh pháp Chân ngôn, là ở môn tu hành chẳng hề bỏ nửa chừng, không bị đình trệ. Nếu ở giữa đường mà bỏ thì chẳng phải tướng tinh tấn. Pháp chưa được thì chẳng được, pháp đã được thì lui mất. Tức đối với đạo có ngại, cho nên người tu nhất tâm tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, dùng tinh tấn mà chẳng buông lung cho đến ở ngay đời này mà được tri kiến Phật, hướng chi là các pháp trợ đạo khác.

Chẳng như thế thì trái phạm pháp Tam-muội-da. Thông suốt thật nghĩa Chân ngôn, biết trong Thượng Trung Hạ thành tựu ý thú sâu xa, trong mỗi chữ mỗi tiếng nam nữ... từ chỗ nhập môn cho đến thành Phật. Đối với tướng thông bát mà khéo phân biệt biết. Sở dĩ như thế vì các chân ngôn là đức tự chứng của Như Lai, dùng đó mà trang nghiêm pháp thân, khiến các chúng sinh đều từ môn có duyên mà thấy thật tướng. Nếu khi vào một chữ thì đủ vô lượng môn công đức không hai, không khác. Thường ưa ngồi thiền, thích làm cho thành tựu, là đối với môn

chân ngôn tâm trụ một cảnh không hề tán loạn, như quán chữ quán tiếng hạt giống bốn tôn. Tùy đối với một việc, tâm chẳng duyên ngoài liền được thành tựu lớn. Nếu tâm tán loạn dù trải qua vô lượng kiếp muốn cầu thành tựu, còn chẳng thể được, huống chi một đời hiện được pháp lợi ư?

Kế là nói tướng Chân ngôn thành tựu, có người nghi rằng các pháp trong Thật tướng vô vi vì sao có các sự tướng như thế mà nay muốn ngộ nó?

Đáp rằng: Việc này có thật chẳng nên nghi ngờ, lại lấy việc đời làm thí dụ. Lại Bí mật chủ vì như cõi Dục có ý sáng tỏ tự tại vui vẻ, cho đến tất cả Thiên tử ở cõi Dục, như trong Đại Thừa nói: Cõi Dục có ba mươi sáu chỗ. Nghĩa là địa ngục Hàn nhiệt mỗi thứ có tám, cộng thành mười sáu. Lại bốn Đại châu. Bốn châu này mỗi châu đều có hai tùy châu (hợp thành mười hai châu và hai mươi tám ở trước) và sáu tầng trời đều có quỷ và bàng sinh (hợp thành ba mươi sáu). Tự tại Thiên chủ dùng năng lực ý sáng tỏ vui vẻ này mà hiện đủ các thứ tạp sắc dục lạc. Có thể trong một lúc mà đủ khắp ba mươi sáu chỗ.

Lại nói ở chỗ mê say này mà sinh ra các loại tạp diệu, cho đến cũng tự thọ dụng, đó là tất cả Thiên tử, Thiên nữ thị hiện trong ngoài cảnh hữu tình vô tình, như hiện tại các thứ ăn uống, âm nhạc... mỗi thứ có thể được hiện tiền thọ dụng. Nếu thấy các thân như nữ sắc... cũng có thể tự vui với năm dục, đều tùy tâm ưa muốn. Lại gặp cảnh năm dục cực diệu tâm đều mê say hưởng chi là Chân ngôn Như Lai mà chẳng thể thấy khắp hiện sắc thân thành Phật ư?

Lại, này người Thiện nam! Như Thiên vương Ma-hê-thủ-la có một minh gọi là Thắng ý sinh minh, vì nhờ năng lực chân ngôn, có khả năng trong một thời gian làm ra biến hóa rộng lớn. Biến tam thiên đại thiên thế giới này thành các loài chúng sinh, hiện ra chỗ ưa thích, các sự ích lợi, tùy sự thọ dụng đều thật chẳng lường đối, lại hóa ra cõi trời Tịnh cư và việc thọ dụng vi diệu ấy như kinh đã nói hưởng chi là năng lực Chân ngôn của Như Lai?

Lại bỏ việc ấy như thế gian huyễn hóa hưởng chi có thể dùng các Chân ngôn ấy mà hiện ra các thứ vườn cây và người cùng súc vật. Lại như A-tu-la tự có chân ngôn hay hóa thân ấy đồng với Đế-thích, ngồi ở Thiện pháp đường trên cõi Trời Tam thập tam, khiến tất cả các vị trời đều sinh nghi ngờ. Lại như người đời có chân ngôn, nhiếp phục được các chất độc và các nạn nóng lạnh.

Lại có trời Tra-đất-ly tự có chân ngôn, làm cho tất cả mọi người

bị dịch bệnh lớn. Cho đến thế gian hiện có người dùng chân ngôn mà biến lửa thành lạnh, biến băng thành nóng. Hướng chi là Thần lực tự tại của Chân ngôn gia trì của Như Lai mà chẳng làm Phật Sự lớn khắp cùng pháp giới ư? Thế nên, phải sinh tín tâm, tin oai đức này lực dụng chân thật không lường đối.

Người trì tụng kia chưa được Tất-địa đến nay sẽ nghi rằng chẳng biết có việc này hay không. Nếu quả không thể suy nghĩ bàn luận này dùng tâm lượng mà phân biệt thì trí không bao giờ được. Vì trừ nghi này mà nói dụ trước. Nhưng oai lực chân ngôn này chẳng từ Chân ngôn mà ra, chẳng ở chỗ trì tụng, cũng chẳng vào chỗ thân miệng được gia trì. Chỉ cần tánh tướng rốt ráo chẳng thật có, mà có thể làm tất cả sự tùy ứng khúc thành, đó tức là duyên khởi sâu xa, pháp tánh từ các duyên mà có, như trăng nước cảnh tượng kia là duyên khởi không thể nghĩ bàn.

Này này người Thiện nam! Nhờ năng lực chân ngôn gia trì Pháp nhĩ mà sinh, không có vượt hơn. Vì Tam-muội chẳng vượt, đó gọi là Chân ngôn Tất-địa xưa nay thành tựu. Vì sao? Vì Như Lai hiện chứng như thế tự nói khiến tất cả đều nghe. Vì sao? Vì Như Lai hiện chứng pháp không thể suy nghĩ bàn luận. Cái gọi là tự thể của chữ A, từ xưa đến nay đã đầy đủ vô lượng năng lực tự tại, năng lực không thể suy nghĩ bàn luận, thể Tất-đàn này thường trụ không thay đổi, chỉ do người làm, chẳng tự biết rõ nên chẳng được quả như thế.

Nay do đây mà tự làm thanh tịnh ba nghiệp thân, miệng, ý, nếu có thể dùng pháp tương ứng thì tu thành tựu, các pháp tự như thế chẳng hề lường đối. Quả không thể suy nghĩ bàn luận này khi các duyên hội sẽ tự sinh khởi. Như sóng biển lớn chẳng hề sai lúc. Lại chân ngôn này tự vô thỉ vô chung. Nếu có thỉ chung sẽ có cùng tận, thì đó là pháp bại hoại vô thường. Vì sao gọi là Như Lai tự tại lực? Vì tự thể pháp này vượt hơn ba đời, thường ở ba đời. Cho nên đối với ba thời làm các Phật sự tự nhiên thường chẳng xả bỏ, chẳng mất kỳ hạn, như nước của biển lớn, như mặt trăng tròn sáng, tự nhiên nổi trống không sai giờ giấc lý duyên sanh sâu xa không thể suy nghĩ, bàn luận: Nếu bản thể chân ngôn trước không thành tựu thì không thể tùy cảm mà ứng, không sai giờ giấc. Nếu chân ngôn tuy có năng lực ấy mà người tu tâm hạnh chưa tương ứng thì cũng chẳng thể khiến nó gia trì hiển hiện. Nhưng duyên hội tự thành, cho nên biết chẳng từ kia đến, chẳng từ đây đi, cũng chẳng phải hai chỗ, vô tánh vô năng duyên hội cũng thành quả Tất-địa, cũng chẳng phải tự nhiên mà có, phải biết tức là quả pháp giới sâu xa không thể suy nghĩ bàn luận từ duyên mà khởi, thường tự vô tánh không thể nghĩ bàn.

Nếu người tu hành chẳng dứt, thì cực quả hợp với chí lý. Chí lý như thế thì không thể dùng suy lường phân biệt mà biết được. Ấy là nêu dụ trước khuyên tin. Cho nên, này này người Thiện nam! Thuận theo thông đạt pháp tánh không thể suy nghĩ bàn luận. Thường chẳng cắt đứt đạo Chân ngôn, Chân ngôn này là quả không thể suy nghĩ bàn luận. Đã không phân biệt mà biết, cũng chẳng tùy sức mà phân. Có trước hạnh xứ, tiểu đối trị hạnh mà có thể thủ chứng. Cho nên chỉ người có sức tin bền chặt thì mới vào được, nên trước nói dụ. Kế nói chí lý khuyên khiến y môn này mà quán không thể suy nghĩ bàn luận duyên sinh chí lý, thường thông suốt pháp tánh không thể suy nghĩ bàn luận như thế. Thuận theo lý này mà tu hạnh Chân ngôn khiến không xen hở thì tự nhiên thành Phật. Đạo Chân ngôn này tức là không thể nghĩ bàn chỗ sinh pháp. Do nhân không thể suy nghĩ bàn luận mà được quả không thể suy nghĩ bàn luận.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại y trụ ba đời vô ngại lực, y Như Lai gia trì không thể suy nghĩ bàn luận lực, trang nghiêm thanh tịnh tạng Tam-muội lực, y ba đời Vô ngại lực, Y Phật không thể suy nghĩ bàn luận lực. Ở đây có hai thứ y. Tam-muội này là không thể suy nghĩ bàn luận ba đời vô chướng ngại chỗ y chỉ của gia trì lực dụng. Y pháp Thế này mà thành nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai, đó gọi là trùm khắp mười phương ba đời, phổ môn lợi ích tất cả chúng sinh đều khiến rốt ráo trụ ở trí địa Nhất thiết trí. Đây là y pháp tự chứng Như Lai không thể suy nghĩ bàn luận, vô lượng định trí các lực để tự trang nghiêm không có giảm thiểu, đầy đủ tướng thành tựu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ đáy Tam-ma-địa xuất ra vô tận giới, vô tận lời tiêu biểu, y pháp giới lực, vô đẳng lực, Chánh đẳng giác Tín giải, dùng một âm thanh bốn chỗ lưu xuất ra. Nghĩa là từ chữ A phát ra ba chữ thành bốn chữ, bốn chữ này hợp thành một mà bày khắp tất cả chỗ. Thanh môn tự xuất ra cùng khắp tất cả, cùng khắp tất cả pháp giới cùng hư không chẳng chỗ nào không đến. Khi Phật trụ Tam-muội sinh ra biểu nghiệp này. Biểu là nêu, tiếng này hay cùng khắp tất cả gọi là chư Phật ấn thành. Ấn tức là nghĩa tiêu biểu, tức là Như Lai Ngữ biểu, nghĩa là từ năng lực tín giải của Như Lai. Thanh văn, chỗ xuất ra tiếng gọi là môn. Thanh văn này tức là bốn chữ như chữ A... Vì từ chữ A này tức là miệng Phật, tức là tâm Phật, tức là người nói, tức là người nghe.

Pháp giới y lực là lực vô đẳng mà sinh bình ngại ngữ biểu phát ra vô lượng tiếng. Tức là Như Lai phổ môn có tác dụng ngữ nghiệp đạo lợi. Từ tâm Như Lai phát ra diệu âm thanh bình đẳng này chia làm bốn chỗ.

Như từ ao lớn Vô nhiệt sinh ra bốn sông lớn chảy mãi không dứt. Chân ngôn này y xứ chỗ nương cũng như thế. Vì một diệu âm có thể biểu hiện pháp giới vô tận, lần lượt cùng sinh nhau mãi mãi chẳng thôi. Bốn chỗ này là bốn chữ, bốn đức, bốn sắc, bốn nguyện.

Từ tâm Phật pháp bốn đức mở bày. Trong đây dùng sự mà biểu lý nội chứng thì bốn chữ khác nhau, bốn sắc khác dụng. Sở nguyện... cũng lại khác nhau. Bốn đức này cùng khắp cõi hư không, như hư không vô lượng không phân biệt. Vì lìa Trung Biên nên không có cùng tận. Chân ngôn này hiện bày cũng giống như thế.

Kế nói trong tâm Phật chia ra bốn chỗ. Chân ngôn trước nói quy mạng tất cả Như Lai.

Câu kế nói các thứ môn. Vi thấp phược là các thứ nghi, cũng là nghĩa khéo léo, Mục-khế-lệ là nghĩa môn. Tức là phổ môn hiển bày các thứ diệu trí nghiệp xảo độ môn. Tất-phược-tha là tất cả, không phải chỉ thân miệng hết lòng lễ bái mà thôi, cho đến ba nghiệp đều quy mạng khắp, như trong thân trong ngoài thân mỗi chi phần đều lễ khắp tất cả Như Lai.

Kế là nói thể chân ngôn. A đọc là A, bốn chữ này nghĩa đã nói. Từ đó cùng khắp Đẳng chánh giác, tức thời tất cả pháp giới các thanh môn từ Chánh đẳng giác âm hiển bày ra. Thì từ đó chân ngôn bốn đức trùm khắp tất cả tâm Như Lai. Như từ một chữ mà sinh hai chữ, hai chữ sinh bốn chữ, bốn chữ sinh tám, tám sinh mười sáu, như thế xoay vần vô cùng. Song chữ đầu tiên là đồng với chữ thứ hai, chữ thứ hai đồng với chữ thứ ba, bình đẳng không khác nhau. Bốn chữ này là thể chánh tông trong một bộ kinh.

Tất cả bí tạng đều từ đây sinh ra, tức là tâm Phật Tỳ-lô-giá-na. Đây là tiêu biểu âm thanh cùng phát ra tiếng. Như trên từ một xuất ra bốn, từ bốn xuất ra vô lượng chữ và âm thanh cùng khắp pháp giới. Mỗi chữ mỗi tiếng đều cùng xuất ra âm thanh. Trong một chữ tiếng này xuất ra tất cả chữ tiếng khác. Chữ khác cũng như thế. Đây chính là dụng tiêu biểu của Phật. Tiếng không thể suy nghĩ bàn luận này thông suốt lẫn nhau, tiêu biểu tất cả vô lượng Đức tự tha của Như Lai. Trong một âm thanh đều phát ra vô lượng các thứ âm thanh cú nghĩa. Cho nên nói là hõ (cùng), xuất tiếng các Bồ-tát thấy nghe rồi cho là chưa từng có, nên gọi là ít có. Mở bày mắt, là khi ở định thì mắt chẳng mở cũng chẳng nhắm. Nay thấy việc ấy trở đi thì quái lạ chưa từng có cho nên mở mắt ra. Nay nói như hoa sen chưa nở vì có ánh sáng mặt trời nên nở ra. Tâm mắt Bồ-tát này cũng thế. Nhân Phật gia trì hiện bày nên mở ra.

Phát ra tiếng hay đẹp rằng Nhất thiết trí lìa nóng bức, trước nói kệ tụng. Nghĩa là trí Nhất thiết trí lìa nóng bức, trước nên khen ngợi lạ thay hạnh chân ngôn, đầy đủ trí rộng lớn là khen hạnh chân ngôn này rất kỳ đặc. Bèn có thể từ tâm Như Lai mà hiện bốn đức. Từ đây đều xuất ra vô lượng âm không thể suy nghĩ bàn luận bí diệu, cùng khắp pháp giới. Mỗi tiếng đều phát ra tất cả tiếng không hai không khác, mà có khác dụng thành Phật Sự. Tức biểu tượng Diệu nghiêm bí mật pháp thân của Như Lai, có đủ vô lượng công đức trang nghiêm. Cho nên nói đầy đủ cái trí rộng lớn. Trí này vô biên không bờ mé, cũng như khoảng hư không rộng lớn bao trùm vạn tượng. Nên nói là rộng. Cho nên trí rộng này tức là Vô đẳng trí, Vô tỷ trí (Trí không gì bằng, trí không gì sánh).

Do Trí cú này giúp cho thành Phật. Cùng khắp như thế, do đó nói Chân ngôn này cùng khắp tất cả thế giới, tức tự môn A này. Thành Phật Nhị tức tôn, ở trong chữ Chân ngôn đem diệu âm này trùm khắp thế giới, khiến cho người nghe chắc chắn sẽ đến Vô thượng Bồ-đề, cho nên nói thành Phật Lương Túc Tôn. Thế nên khuyên siêng tinh tấn. Đối với các ngữ tâm của chư Phật thường tu không xen hở. Tịnh tâm lìa ngã, có hai siêng. Siêng trên là tinh tấn không xen hở, siêng dưới là thường tu chẳng xen hở. Tiếng Phạm, âm Phạm có khác nên gọi ở đây là tâm nói chân ngôn của tất cả Như Lai. Tức là bốn chỗ như trên khuyên các chúng sinh, phải ở tâm nói Chân ngôn như thế mà siêng tâm tu học không để xen hở. Thường lấy đây mà thanh tịnh tâm mình. Tịnh tức là thanh tịnh tất cả vọng nghiệp trong ngoài, các chướng lìa ngã tức lìa hai ngã nhân, pháp. Phải biết tâm này tức là tâm Phật. Tâm Phật tức là tâm Chân ngôn.

Bấy giờ, Bạc-già-phạm lại nói câu pháp này: Đối với Chánh đẳng giác mà làm thành tựu. Ở phẩm trước đã nói thế gian thành tựu, đưa người đến thành tựu xuất thế. Cho nên ở trong đây nói dùng tâm Phật làm nghiệp xuất thế gian thành tựu. Tâm Phật tức như trên nói chân ngôn bốn chữ, lấy bất cứ một chữ nào làm đều được. Làm thành quả này liền được quả xuất thế. Tâm Chánh đẳng giác tức là tâm chân ngôn. Muốn làm thành tựu này thì trước phải chọn chỗ. Vườn cây là chỗ người ta trồng cây, trồng hoa. Nếu chẳng trồng mà tự thành thì là đồng hoang không phải vườn. Chừa là Tỳ-ha-la, Hán dịch là trụ xứ (chỗ ở).

Hang là hang đá tự nhiên trong núi, hoặc do người đào đục, hoặc chỗ tâm người tu ưa thích, cũng ở trong đó mà tu đạo. Nếu nói theo bí thuyết thì vườn cây gọi là tâm đại Bồ-đề, chỗ này rộng rãi không đâu chẳng có. Nương vào đây mà tu đạo là chỗ tốt nhất. Trụ tức là bốn phạm

trụ, hoặc gọi là đại Bi, vì tất cả Bồ-tát thường ưa thích đối với đó. Hang là chỗ thanh nhàn sâu kín tức hang Thiền định sâu xa. Sư tử đầu đàn cũng ở trong đó, hoặc chỗ ý ưa thích, tức đối với các pháp môn mà tùy tiện. Tùy theo mỗi môn hệ niệm mà làm, tức là sáu Độ... như Bát-nhã nói. Trong đó, tìm ý mình mà tu, quan tâm Bồ-đề kia cho đến sơ, an trụ chẳng sinh ý lo nghĩ, tức dùng tâm quán tâm Bồ-đề của mình. Đây là Chánh hạnh xuất thế thành tựu.

An trụ ở đây không có duyên khác, tức là Tam-muội. Do đây trong quán thường tự biết, tất cả lưới nghi đều trừ sạch, cho đến tới chỗ không nghi, các nghi chẳng sinh tức là chân thật trụ tâm Bồ-đề. Lúc đó có các tướng mạo chớ nên nghi lo, dần dần được thấy chân thật Như. Nhưng khi làm trong đây lược có hai địa:

1. Phi Tam-ma-Tư-đa địa cũng là Tam-ma-tư-đa địa (Hán dịch là Đẳng dẫn). Khi chưa thành tựu thì trước phải có tướng thành tựu. Cho đến khi muốn thành tựu cũng phải có tướng muốn thành tựu. Đây đều là phi Tam-ma-Tư-đa địa. Nghĩa là khi mới được thành tựu thế gian, chỗ gia thêm các thứ thuốc đều có lực dụng không thể suy nghĩ bàn luận. Cho đến hay đạo cõi Phật là tướng chưa thành tựu, cũng được ở đây hiện những việc không thể nghĩ bàn.

Nếu tâm được quyết định tín thì liền tăng thắng, được nhập vào Đẳng dẫn địa. Người tu khi mới tu xuất thế gian quán phương tiện, thì trước quán bốn tôn y vào tượng vẽ mà khéo quán, lúc đầu nhắm mắt thấy rõ ràng, sau đó dần dần mở mắt cũng thấy hiện ra rõ ràng không có mờ ẩn. Đây là vị Đẳng dẫn. Nếu vì được những việc như thế mà tâm càng sinh tin ưa thì do tin này mà tâm thanh tịnh, dần dần sẽ chẳng chấp trước, tâm bình đẳng không hai. Không hai này cũng trừ, không chấp trước, biên khác nhau. Trừ các tâm duyên, muôn pháp bình đẳng.

Bấy giờ, gọi là tướng đẳng chí, vì các tướng khi hiện tuy chưa thành tựu, nhưng do đây mà được dần thành, nên gọi là vị Đẳng dẫn địa. Dùng bất cứ một tâm nào đặt tên tâm, chứng các tịnh cú, vô cấu an trụ bất động, chẳng phân biệt như gương, hiện tiền rất sâu kín, nếu nó thường quán sát, tụ tập mà tương ứng cho đến bốn sơ tôn, tự thân tượng đều hiện. Trước quán bốn tôn được hiện rõ ràng rồi. Đối với bốn chữ mà lấy bất cứ một chữ nào đặt trên tâm bốn tôn. Đây là trong kinh nói tương ứng với tâm, nghĩa là lấy chữ tâm Phật này đặt trên tâm Bốn tôn (lấy tâm nghĩa là lấy chữ tâm Phật, đặt trên tâm Phật gọi là với tâm).

Lấy bất cứ một Chân ngôn tâm nào ở trên tâm bốn tôn mà tướng đặt tâm Chân ngôn. Hoặc tự thân làm bốn tôn mà đặt chữ tâm trên tâm,

cho nên nên dùng tâm đặt tâm... Như thế khi quán, làm quán cực thanh tịnh vô cấu, vì tất cả tâm bốn tôn thường như thế. Khi quán thanh tịnh như thế, vì chẳng duyên bên ngoài, an trụ bất động chẳng phân biệt tất cả pháp tướng mà chẳng sinh vọng tưởng.

Bấy giờ, tương ứng với Tam-muội quán Phật. Thí như người mắt tịnh đối trước gương sáng. Gương trong đây tức là quán tâm bốn tôn tròn sáng thanh tịnh vô cấu. Cái gọi là cực vi nghĩa là khi quán chữ hạt giống thì cực nhỏ, vì là hạt giống của tâm. Trước đã quán thấy tướng bốn tôn rồi, ở trên tâm bốn tôn mà quán gương sáng sạch này. Trong gương có chữ này, một tâm quán chữ này. Tức ở trong đây được thấy tướng chân thật của Bốn Tôn, cũng tự ở trong viên mà tự thấy tướng ấy. Đây cũng là tướng vị Đẳng dẫn. Như thế chỉ đối với một cảnh chẳng bị cấu chướng khuấy động. Thường như thế mà tu tập. Từ khi ảnh tượng hiện ra trên tâm cũng có vầng tròn sáng và chữ. Khi nói quán, thấy bất cứ một chữ nào thì ba việc tự nhiên hiện ra. Sau đó trong tâm tròn sáng ở trên tìm thấy bốn tôn. Trên bốn tôn tròn sáng lại thấy thân mình. Như thế soi chiếu lẫn nhau thấy không chướng ngại, gọi là ảnh tượng thành tựu. Đây cũng là Phi đẳng dẫn địa.

Kế thứ hai là câu Chánh giác. Trước quán bốn tôn nay chỉ quán Phật. Sở dĩ như thế, là tất cả tôn hình đều thấy pháp thân môn. Ở trong gương Mạn-noa-la, Vương tòa hoa sen lớn, trụ sâu vào Tam-muội. Lại ở trong gương này như có quật tượng quán trong hang rất sâu mà có Như Lai, ở trong hang này mà ngồi chỗ rất sâu, Mũ tổng trì phát kế có vô lượng ánh sáng nhiều quanh, lìa vọng chấp phân biệt, vốn vắng lặng như hư không. Ở trong đó mà suy nghĩ, nhiếp ý niệm tụng, một thág tu Đẳng dẫn, trì mãn đủ một Lạc-xoa. Ở trong đó quán như thế gọi là thật thấy Phật. Như thế khi thấy trên tâm Phật ấy làm chữ, chữ chân ngôn một tâm tụng. Đây là một bề nhiếp ý ở trong một cảnh không còn có duyên ngoài. Tâm tâm niệm tụng không để ai nghe. Nhưng ở trong định tự nhiên có tiếng tuôn ra như nước chảy không dứt.

Nói Lạc-xoa, Hán dịch là kiến (thấy). Nghĩa là tâm trụ vào một duyên hiện tiền rõ ràng. Nếu ở thế ngữ thì là mười muôn biến. Một thág tụng, một thág là đẳng dẫn viên mãn vào Sơ địa. Ở trong bí mật tạng Sơ địa là thág thứ nhất. Đây là Đẳng dẫn địa. Trước nói ba câu. Tâm Bồ-đề là hạt giống, đại Bi là căn, phương tiện là sau. Trong đây nói đủ hạnh pháp. Câu thứ hai là quán Phật ở Tâm gương trong hang sâu. Cho đến thân mình làm bốn tôn. Trước quán tâm bốn tôn trên gương thanh tịnh tròn sáng.

Trong gương có hang, trong hang có bốn tôn, tức là thật thấy Phật. Thấy Phật rồi, trên tâm Phật này lại có vầng sáng tròn thanh tịnh. Trước quán tâm cực tịnh này thì gương rất hé nhỏ, sau lớn dần. Đối diện rõ ràng nên gọi là hiện tiền. Trong thanh tịnh vô tỷ có chữ hạt giống. Một tâm chánh quán chữ hạt giống này tức là tụng chữ ấy. Từ đây được thấy tâm ấy. Lại thấy thân mình như thể tướng bốn tôn ở trong tâm Phật. Nếu quan tâm mình trên vầng ánh sáng tròn, cũng là Như Lai bốn tôn trong đó. Như thế xoay vần hiện tướng chẳng chướng ngại nhau. Bốn tôn thanh tịnh là các phân biệt. Thể này gọi là kiến, tâm Bồ-đề là hạt giống đầu tiên để thành Phật. Đây cũng gọi là một kiến, một cảnh, nên gọi là Lạc-xoa. Đây là pháp Thừa sự trước trong hạnh xuất thế. Như đây mà thành, là nhập vào Tín Địa.

Kế là nói Nhiếp ý. Từ một đến mười, cũng một như thế đến một trăm, một ngàn, một vạn... cũng đều là một vì biến ra nhiều lúc, đến nhiều lúc sẽ tự thấy. Tiếng Phạm là Tam-ma-Tư-đa nghĩa là Đẳng dẫn, cũng là nghĩa nhiếp tâm một cảnh, tức nghĩa một tâm (nhất tâm). Vào tháng thứ hai thì dâng hương hoa xoa thân mà làm lợi ích cho các loài chúng sinh. Lại ở tháng khác bỏ hết các lợi dưỡng, như trong hạnh thế gian ở trước cũng có cúng dường hương xoa... Trong đây lại nói: Ý khác với trước. Trong đây đã được Đẳng dẫn, nó là thanh tịnh điều nhu, tùy việc sẽ thành. Dâng bất cứ một nén hương, liền sẽ như thật đầy khắp pháp giới, trùm khắp tất cả chúng sinh giới làm các thứ lợi ích, việc nào cũng thành. Như trong Hoa Nghiêm Hồi hương có nói rộng tướng ấy. Như hương hoa là tùy có tất cả chỗ làm cũng giống như thế, đều thành tựu làm Phật sự lớn.

Lại tháng khác, là trong đây có hai tháng tức đến Sơ địa bỏ các lợi dưỡng. Vì văn giải thích tức là bỏ tám việc trái thuận để giữ đạo. Nếu theo ý kín thì đây là gieo trồng gốc lành lớn của Bồ-tát, báo vô tận này chẳng hiện được công đức pháp môn vô lượng báu. Chẳng nên đối với đó mà sinh chấp đắm, nếu sinh chấp đắm lợi dưỡng thì chẳng mau được vào Chánh vị. Cho nên phải bỏ lợi dưỡng này. Lúc đó người tu lại đứng như lý mà suy nghĩ. Ý suy nghĩ ở đây, nghĩa là ta suy nghĩ đúng lý như thế mà được tự tại.

Lúc đó đối với Du-già suy nghĩ mà tự tại. Nguyên tất cả vô chướng, an vui các chúng sinh, tức là phát Bị nguyện quyết định, vì sao chúng sinh đồng có giác tánh như thế mà chẳng tự liễu, lại chịu khổ não lớn ư? Liền sinh tâm mạnh mẽ, phải dùng vô số phương tiện để thành tựu, nhất định đều giúp cho đến địa vị Nhất thiết trí, trừ tất cả cấu chướng

không còn sót, ưa thích Thánh Như Lai, khen ngợi viên quả, tức là Như Lai có vô lượng tri kiến rốt ráo thành tựu khéo léo hiển bày. Nếu chẳng được thế vì sao có thể vì một việc nhân duyên lớn mà ra đời. Như thế chư Phật khen ngợi, nhờ diệu phương tiện kia ta sẽ mau thành đầy đủ tất cả các mong cầu của các hữu tình, đúng lý không che chướng mà sinh phan duyên. Không chướng ngại như thế, dùng phan duyên như thế mà niệm tụng. Dùng công đức của ta mà cứu giúp tất cả khổ. Là dùng tâm đại Bi mà thỏa mãn tất cả mong cầu của chúng sinh. Cứu hết khổ lớn mà ban cho niềm vui. Cũng sẽ thành tựu. Vì sao? Vì người tu tự tâm không cầu chướng là có thể lực lớn (năng lực tự thể rất mạnh). Lại vì chúng sinh tùy theo khả năng mà trừ chướng. Do nhân duyên Bi ngã (ta vì người) không chướng ngại nên sẽ tùy việc mà thành tựu. Đây là hạnh nguyện Phổ hiền.

Tướng này như thế nào? Tức là sinh nguyện Đại Bi như thế, loài bàng sinh ăn nuốt lẫn nhau, nếu có khổ thì trừ hẳn. Thường khiến loài quỷ đều được ăn uống đầy đủ. Ở trong địa ngục chịu khổ đủ các hình phạt độc ác, đều khiến cho mau chóng dứt hết. Do công đức của ta, vì ta sinh ra vô lượng thắng phước. Tháng khác bỏ lợi dưỡng tức là tháng thứ ba, trong ngoài không tham đắm gọi là bỏ lợi dưỡng, và việc bên ngoài cũng chẳng cần thọ thí. Đây bỏ lợi dưỡng mà không bỏ chúng sinh. Do hạnh Chân ngôn đều được thành tựu. Và vô lượng môn khác tâm thường suy tư, phát tâm thương xót rộng lớn ba thứ câu gia trì, nhớ nghĩ tất cả. Tâm trì tụng chân ngôn. Các Bi Nguyện này cũng có vô lượng thứ, chẳng thể một tháng, hai tháng; đầu tiên trì tụng cũng phát nguyện như thế. Chỉ ở hai tháng đầu dùng tâm tín giải mà làm nhưng chưa thể thành. Tháng thứ ba sở nguyện đều thành, cho nên hồi hướng tự tha.

Hạnh tự tha nếu khi đắc ý thì tùy việc làm như thế. Thường lấy nước đại Bi mà rửa sạch tâm mình, dần dần khiến tâm Bồ-đề có thể lực lớn đến hết Địa thứ mười một trở lên, dần dần lực dụng thêm lớn, đều do đây mà được viên mãn.

Một tháng đầu là tâm Bồ-đề, tháng kế quán hình tượng Phật gọi là chánh giác câu cú. Thứ ba trụ chân ngôn lia tất cả tướng gọi ba tháng, cũng gọi ba Lạc-xoa. Lại gia trì rộng lớn, nghĩa là thần lực gia trì của Như Lai, do ba câu được thành.

Nay muốn làm việc Như Lai, tự tưởng niệm ba câu này. Cho nên kinh nói: Dùng năng lực công đức của ta, năng lực gia trì của Như Lai và năng lực của pháp giới, cùng khắp chúng sinh trong thế giới, ba câu này hòa hợp mà sinh ra sức gia trì rộng lớn. Như thế niệm xong nên tụng

niệm câu này. Đây là tất cả tâm Chân ngôn. Dùng công đức ba câu, tùy lấy hoa... dùng tâm niệm gia trì. Như hoa là dùng hoa chân ngôn, hương thì dùng hương chân ngôn mà gia trì cho đến tất cả chỗ, cứu khổ ban vui hiến Phật... đều thành. Nếu chẳng dùng bốn chân ngôn mà gia dụng hậu minh phi cũng thành năng lực công đức của ta ở trong thế giới chúng sinh.

Cùng khắp Như Lai gia trì lực đấng pháp giới, các niệm câu nghĩa lợi đều được nhiều ích, tất cả như lý đó niệm niệm đều thành tựu. Vì trụ lý nên hệ niệm chỗ nào đều thành. Cho đến trừ khổ, khổ liền trừ... nhờ năng lực công đức của ta, nhờ năng lực gia trì của Như Lai, nhờ năng lực bình đẳng pháp giới, hợp ba duyên này thì sẽ thành tựu nghiệp không thể suy nghĩ bàn luận. Như thế mà làm phải biết là rộng ứng lý, là nói sẽ được đúng lý như.

Cùng với hư không đấng lực, Hư không tặng minh phi chân ngôn nối tiếp nhau kế đó. Bấy giờ, Như Lai lại nói hư không đấng lực, hư không tặng chuyển minh phi chân ngôn, như hư không chẳng thể phá hoại, tất cả không thể sánh bằng, cho nên gọi là hư không đấng lực. Lại tặng là như người có kho báu lớn bố thí cho người ưa muốn, tự tại mà lấy chẳng để nghèo thiếu. Tặng hư không của Như Lai cũng giống như thế.

Tất cả lợi lạc chúng sinh đều từ đó mà ra tất cả pháp bảo, tự tại thọ dụng mà không khô cạn nên gọi là Hư không tặng. Chuyển thuận minh mà nói là chuyển thuận nghĩa năng sinh, kho này sinh ra tất cả Phật Sự. Như chỗ phát bi nguyện trước, nghĩa là như khi dùng một bông hoa cúng dường và vận tâm, khắp tất cả Phật và phàm Thánh đều cúng dường xong, liền hồi hương trí Nhất thiết trí, bảo các người thọ là thú, là nguyện dùng năng lực này khiến ta được như nguyện trên. Nguyện như thế rồi, gia cho trì chân ngôn này thì đều thành.

1. Kính lễ tất cả Như Lai... Vì thấp phược mục khệ tộ tát phược tha. Khiếm ổ đặc yết để tát bạn la hê môn già già na kiếm. Đây là nghĩa Hư không tặng hư không đấng lực đấng, trong tất cả pháp Không sinh ra vật này, cùng khắp tất cả hư không. Trì ba chuyển này, nghĩa là dâng lên bất cứ một bông hoa nào đều trùm khắp pháp giới. Trên là hiến tất cả Thánh hiền, dưới là bố thí tất cả hữu tình. Tùy nó sinh ra Nguyện lành cũng đều thành tựu. Nghĩa là dùng chân ngôn này mà gia trì đều được thành tựu. Như trong kho tự lấy vật báu đều tùy thân. Nếu tụng ba biến này thì chỗ niệm cũng thành tựu.

Hễ dâng hoa... do ba năng lực hồi hương mà được thăm che chở thì

tất cả đều tùy ý mà thành. Nghĩa là Hoa Bi dâng tất cả Phật tự tại thành, gọi là người tu hành đối với thảng đủ . Kế vào trì tụng là trước cúng dường thừa sự xong thì được tướng thành tựu. Nhân tướng trước sau đó mặt trăng sáng ngày rằm làm pháp trì tụng. Thượng sự ở trên ngọn núi, Trung sự ở Ngũ-mãn-lan, Hạ sự ở trong rừng, hoặc sông thác cho đến nhà trời ở ngã tư, đều bảo là thông Thượng Trung Hạ mà thành. Hoặc tùy chỗ ưa thích mà làm. Ở trên ngọn núi tạo Mạn-đồ-la. Lớp thứ nhất vòng quanh họa Kim Cang, đàn này làm ba lớp đều dùng kim cang làm ra là ba cõi Thần, Phật, Bồ-tát. Sau có chỗ nói trong đây chưa phân biệt. Trong đó bày ra các Tôn vị, chung đồng tiền đạo, chỉ dùng kim cang kết liền nhau bồi đắp là khác. Nói tất cả sắc Kim cang, là vẽ Kim cang vòng quanh làm ranh giới, nét vẽ này đều khiến thanh tịnh không lỗi. Không lỗi nghĩa là tròn đầy xinh đẹp. Trang nghiêm thanh tịnh đồng kim cang, tức là tướng kim cang ấy bao quanh như thế đều là sắc vàng.

Ở đây có ba việc đồng với kim cang. Sắc đồng kim cang, Thể đồng kim cang, danh đồng kim cang. Cho nên nói Nghiệm tịnh đồng kim cang, tức là Tịnh đồng kim cang. Nói trong đó các chứng, nhiếp phục tâm mê loạn. Vì ba việc này đồng với Kim cang, tức không thể phá hoại, không ai hơn, không ai thắng nổi, không ai hàng phục được.

Do đầy đủ nghiêm tịnh làm kim cang giới này, cho nên khiến các chướng làm chướng ngại, thảy đều mê hoặc không giám quấy rối. Đã được lìa chướng thì chỗ thành được vật mà được thành tựu. Kinh nói bốn phương cùng vây quanh.

Ở đây có hai nghĩa, nghĩa làm đàn chánh bốn phương, lại Ấn kim cang cũng làm ở bốn phương, cũng chánh quay mặt về bốn phương. Nói một môn và thông đạo. Kim cang nha liên thuộc, kim cang kết tương ứng, Kim cang kết như vòng quanh trên đặt ân. Kim cang đều các thứ liền nhau, tức là nghĩa kim cang kết, để an một môn đều duyên. Tương ứng là môn này tùy việc tương ứng. Thượng thành tựu môn hướng Đông. Trung thành tựu hướng Bắc và Tây. Hạ thành môn thì hướng về Nam. Giới Kim cang hỗ liên thuộc cũng là nghĩa Kim Cang. Môn môn hai thủ hộ, chẳng thể vượt hướng nhau. Cho đến Chu mục đoạt nộ hình, là làm vật thành tựu rất là giữ gìn, lấy môn giữ gìn này làm cốt yếu, tức là ở trên đã nói. Oai quang khó thấy kịp tương hướng thủ môn. Mỗi Tướng là Ấn, đủ hai đở trắng thành hình rất giận dữ.

Hết lòng họa ngưng giác, Thâu-la diệm quang ấn, tức là độc cổ kim cang. Chỉ có giác xứ đều đặt có ngọn lửa sinh. Trong diệm tòa kim cang phương vị chánh tương trực, trên đó có hoa sen lớn, tám cánh nữ

ra đây nhụy, đó tức là tòa kim cang, cho nên nói đồng Kim cang, phải kết tay kim cang, tuệ ấn kim cang sẽ là kết tay kim cang, Kim cang năm nhánh ấn.

Cho nên Tam-muội Kim cang là Ấn tuệ Kim Cang. Nói kính lạ tất cả Phật, là tùy chỗ ấy giữ gìn các thứ thuốc làm thanh tịnh, đương khi làm lễ như trên đã nói. Bi nguyện rộng lớn thường bền chắc thệ nguyện, nghĩa là tự thề vận tâm, khắp hoàng thệ chẳng vì mình, chính vì tất cả chúng sinh mà thành các thứ thuốc này, nguyện năng lực gia trì khiến sớm thành tựu. Do đây mà thành nên lợi ích tất cả chúng sinh. Phải hộ trì chỗ ấy và thanh tịnh các thứ thuốc. Song có đủ nhiều pháp đủ quảng bốn mà có. Khi lấy thuốc phải hiểu pháp dụng thứ lớp, tìm tự nhật lấy cũng có phương pháp cho đến làm hộ làm tịnh đều có thứ lớp pháp dụng và rửa sạch... Trong đây chưa đủ lại phải hỏi. Ở đây khi trì tụng thanh tịnh không chướng ngại mà có thành tướng Hạ, Trung, Thượng.

Nếu được vô chướng thành tựu thì Thượng thành có ba tướng chuyển. Nghĩa là đầu đêm ấm sinh, giữa đêm khói sinh, canh năm thì ngọn lửa phát ra thành hai tướng, nghĩa là từ ngọn lửa phát ra. Hạ thành có một tướng, nghĩa là chỉ có ấm sinh ra. Chuyển tức là từ ít được nhiều, từ ấm được ngọn lửa... Đã được thành rồi thì Chân ngôn tự giữ lấy. Bước đi trên hư không, hoặc ăn đồ điểm... mà được tự tại, đến các cõi Phật. Từ một đến một, Trụ thọ sống lâu oai đức lớn, liền được đầy đủ, thọ vô lượng kiếp số, oai quang tự tại.

Đối với sinh tử được tự tại, tức là đối với sinh tử các thứ tự tại, đó gọi là đệ tử Phật chân thật. Vật thành rồi dùng ấn kim cang mà hộ thân mình, hộ Bổn Tôn, hộ vật. Có năm phần: Sư và Tiên thành tựu trước giúp bạn, thân mình và Phật. Vật ấy tùy nó sinh, ở chỗ Tam bảo mà dùng chỗ Tam bảo, trước thành Phật. Nếu có Tiên đến thì lấy mà cho. Chẳng đến lấy thì chia ra hai phần: Một cho bạn, một giữ cho mình.

Vật của Sư, nếu Sư ở phương khác thì cầm lấy đợi đến mà trao cho. Nếu Sư không còn thì duyên chỗ ông ấy sinh mà làm công đức. Đạo... chẳng phân cũng nên tâm làm ranh giới. Từ đầu đến cuối đều dùng Kim Cang tự hộ và hộ vật cho đến lấy. Nói đi ở đánh thế giới hiện các thứ sắc thân. Nghĩa là vì các chúng sinh làm Phật sự lớn. Cúng dường thuốc cũng có phương pháp, nghĩa là dâng cho. Kinh nói: Đủ Đức Cát Tường là xoay vần mà cúng dường. Được thành tựu rồi thì cầm đến mười phương tùy ý mà dâng cúng Phật mười phương.

Chư Phật và các A-xà-lê giúp bạn, đều có phần số phương pháp. Sẽ lại hỏi: Chân như thành vật gọi là Tất-địa, nếu được thành tựu như

thế thì gọi là có phân biệt thành tựu. Vì các thứ thuốc này cũng là pháp thành tướng nên gọi là có phân biệt thành tựu. Đem các thứ thuốc phân biệt này mà thành tựu không phân biệt. Nhân có phân biệt mà được thành tựu vô phân biệt. Năng phân biệt này là nhân, nương có phân biệt này mà được quả vô phân biệt, là quả vô nhiễm vô vi vô tướng không thể suy nghĩ bàn luận.

Tuy không phải nhân thành mà dùng có phân biệt làm nhân. Song thành này không được quả vô vi. Bí mật chủ tất cả thế giới hiện tại... Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thông đạt Phương tiện Ba-la-mật-đa. Đức Như Lai ấy biết tất cả phân biệt bốn tánh là không, vì năng lực Phương tiện Ba-la-mật-đa mà đối với vô vi dùng hữu vi làm biểu xoay vẫn tương ứng nhau mà vì chúng sinh hiện bày khắp pháp giới, tức là quả vô vi mà dùng phương tiện hữu vi sẽ thành việc không thể suy nghĩ bàn luận này.

Phật ba đời hiện tại, vị lai, quá khứ đều dùng thông đạt phương tiện Ba-la-mật mà nói pháp một này. Cả ba đời Phật muốn nói đều do đây mà vào. Nếu có hữu vi phương tiện này, hiểu rõ pháp phân biệt này bốn tánh thường không, như thế pháp nhân duyên khởi là sinh diệt, đoạn thường, một khác, tới lui... chỉ như huyễn hóa chẳng khác Trung đạo. Nếu xa lìa đây mà cầu tự thể vô vi riêng thì không thể được. Vì tánh vô vi tức chẳng khác hữu vi, thấu suốt pháp duyên khởi sâu xa như thế hay lấy vi này mà thành quả vô vi. Cho nên tất cả Như Lai ba đời vì dùng năng lực phương tiện tùy pháp giới mà có khả năng từ quả bản thể vô vi vô tác này mà dùng hữu vi làm các quyền thuộc. Như Đại Nhật Như Lai đối với đức này mà tự chứng, vì năng lực gia trì mà ở vô vi.

Dùng hữu vi làm biểu, là bản tánh vô vi, nhân hữu vi mà thành vô vi. Xoay vẫn tương ứng là khi chưa trì tụng thì bản tánh bất tịnh, do trì tụng mà được thanh tịnh, năng độ chúng sinh thì hiện thân chẳng thanh tịnh. Lại vì người khác làm nhân duyên thanh tịnh nên gọi là xoay vẫn tương ứng. Lại từ vô vi sinh hữu vi làm biểu. Cho nên hiện có thế giới vi trần Kim Cang Bồ-tát mỗi vị đều dùng môn Chân ngôn mà dắt dẫn chúng sinh đều khiến đến được quả vô vi. Dùng phương tiện này mà ở khắp pháp giới, ứng khắp tất cả chúng sinh, giúp được nghĩa lợi, khiến được thấy pháp an vui trụ phát tâm hoan hỷ, hoặc được sống lâu, năm dục hỷ dụ mà tự vui. Vì Phật Thế Tôn mà cúng dường cầu chứng như thế.

Tất cả người đời chẳng thể tin, vì Như Lai thấy nghĩa lợi này nên dùng tâm hoan hỷ mà nói pháp tặc thứ lớp Chân ngôn đạo hạnh của

Bồ-tát. Nghĩa là các Như Lai vì dùng phương tiện từ giới vô vi dùng năng lực gia trì chẳng lìa bỏ chúng sinh, tùy chúng sinh mà thị hiện hạnh tu hành, hoặc khiến thấy pháp trụ hạnh an vui mà phát tâm vui mừng. Hoặc được sống lâu, nghĩa là được vô số kiếp thường thấy Phật ra đời. Hoặc được năm dục tốt đẹp mà tự vui. Lại hay cúng dường tất cả Như Lai. Việc này không có phương tiện thì chẳng thể tin. Người ấy nghĩ rằng: Thể của Chân ngôn tức đồng pháp giới vô vi vô tác, làm sao thành tựu việc ấy. Nếu sinh việc ấy tức là có tướng phân biệt, làm sao đúng lý? Cho nên sinh ra chê bai.

Nói trong đây Phật có bí mật khó hiểu, là có phương tiện mà nói, cho nên chẳng thể hiểu. Nhưng trong đây dùng tâm tự tại nói là sống lâu. Như Thọ lượng này tức là pháp thọ mạng của Như Lai. Năm dục nghĩa là bốn vô lượng và tâm Bồ-đề. Tất cả bậc Thánh dùng hiện pháp này để tự vui. Cúng dường Như Lai tức là chân pháp cúng dường pháp thân Phật. Nếu người tu y phương tiện sâu xa duyên sinh của Phật thì được thành tựu thế pháp, tức ở trong đây mà quán bản tánh không, tức là thành tựu vô vi. Pháp không thể suy nghĩ bàn luận như thế phàm phu tự chẳng thể tin. Song chư Phật, Như Lai và Bồ-tát... thấy nghĩa lợi này nên nói đạo thứ lớp của hạnh chân ngôn, chẳng thể chê bai là không. Vì sao? Vì trong vô lượng kiếp siêng cầu, tu các khổ hạnh chẳng thể được, mà hạnh môn chân ngôn dẫn dắt các Bồ-tát tức ở đây sinh mà đạt được. Như các Bồ-tát khác vì cầu đạo Vô thượng, khó làm khổ hạnh như cứu lửa cháy đầu, trải qua vô lượng kiếp còn chẳng thể được thành tựu như đây. Hạnh Chân ngôn này, nếu đủ phương tiện thì Thánh có thể thành tựu, vì biết nghĩa mười dụ duyên khởi sâu xa, dùng chân ngôn... nguyện làm các thứ thành tựu mà không chấp đắm. Chẳng khác pháp như thế, vi diệu nhanh chóng.

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Chân Ngôn Môn Bồ-tát Tu hạnh Bồ-tát. Như thế kế-đô-yết-già-tán-cái Lý tử chân Đà-ma-ni và An Thiện Na Được Lô-giá-na cầm ba Lạc-xoa mà làm thành tựu. Cũng được Tát-địa.

Kế là nói các thứ thuốc đã thành, nghĩa là như trên trước là một Lạc-xoa, kế là hai thảng trì tụng rồi làm Mạn-đồ-la. Trong đó để vật thành này mà tụng niệm, canh ba Lạc-xoa mới thành. Thần vị Mạn-đồ-la này... tức là đồng với Đại Bi Thai tạng, trong đây chẳng nói, chỉ lấy vật muốn thành mà để trong đó, đặt Đại Nhật Như Lai để ở góc. Cờ thì dùng tre làm cành, cột bằng lụa sạch, lại treo rũ bằng một chiếc gậy, như trên phướn làm hình tầng, trên đó đặt Bạt-chiết-la. Dao bằng

thếp lấy xương làm cán, tán có thượng trung hạ mà thành, nghĩa là chim khổng tước vàng bạc, giày làm bằng da. Trước phải xông rửa thật sạch cho không còn mùi hôi, lại dùng thuốc mà trị, cho đến lửa chẳng đốt cháy được.

Lại dùng hương thật thơm, đặt bấu Tịnh như ý đặt tên cờ. Nhân được dùng làm An-thiện-na. Thiện-na này có hai thứ: Một là rất nhẹ chạy ngược nước. Ngưu hoàng, lại có vô lượng thuốc, nghĩa là không thanh, chu sa, hùng thư hoàng... đều sẽ thành tựu. Đại Bản nói: Đủ phương quĩ, Tô-tất-địa cũng có thứ lớp. Như Lý được thành thì sẽ mang mà đến cõi Phật vô ngại. Nhân được... thành tựu, thì cõi Phật mười phương, sẽ có thể bay đến cõi Phật mười phương, các thứ khác có thể hiểu. Lại có vẽ các hình chim thú, tùy lấy một mà làm pháp thành, tức có khả năng ngự đến các cõi mười phương rất tự tại. Hoặc dùng pháp gia thêm đồng nam đồng nữ, cũng khiến chúng thành tựu để hầu hạ, tức đạo các cõi mười phương. Tây phương có một người thành, dẫn năm trăm người lên hư không mà đi, chẳng biết đi đâu. Pháp này thành tức là trì minh tiên. Vật này tùy tâm muốn làm, khi trì tụng cũng được cảnh giới khiến thành vật ấy, vật ấy.

Hoặc có thể vận tâm làm cho vật này cũng được thành. Kinh nói: Bí mật chủ phải đầy đủ phương tiện, thiện nam, thiện nữ tùy ý ưa thích mà có việc làm. Đó chỉ có tâm tự tại mà được thành tựu. Người đời chẳng thể tin chỗ người ấy được, gọi là làm người thành tựu, chẳng thể tin được sự ít có kỳ lạ đều có thể được. Cho nên nói: Thiện nam đầy đủ phương tiện, vật muốn cầu được tự tâm tự tại, như thế mà được thành tựu. Nói tự tâm tự tại chỉ như thế mà thành tựu, nghĩa là tùy ý muốn, chỉ cần tâm chuyển thì liền thành tựu. Chỉ nghĩa là chỉ dùng tự tâm mà không nhờ các duyên khác. Chỉ cũng có nghĩa là tạm, tâm vừa nghĩ thì liền thành tựu.

Những người ưa muốn nhân quả của Bí mật chủ. Nghĩa là pháp bí mật không phải kẻ ngu biết được các chân ngôn. Tướng chân ngôn tức như người đối với hạnh chân ngôn này mà nghĩ rằng: Nay ta thực hành nhân như thế phải được quả như thế. Phải biết như thế chẳng phải là nói đúng, chỉ là người ngu vọng chấp như thế. Vì sao? Vì có các ngoại đạo nói tất cả pháp từ ta mà sinh. Nếu như thế khi tự tại vui thì cho, không vui thì không cho. Như thế người chẳng thể hiểu đạo này. Phải là muôn vật đều từ nhân sinh. Nếu từ nhân sinh thì nhân này phải có tự tánh, nếu có tự tánh thì rơi vào Thường kiến, Thường pháp làm sao sinh được. Nếu nhân diệt quả sinh thì tức là pháp đoạn diệt sao sinh được.

Kinh nói: Nói nhân không thực hành thì quả quả kia sẽ chẳng sinh. Ý nói: Nhân là nhân không. Nhân đã không thì làm sao có quả. Cho nên trong luận Trí Độ rộng phá. Phải biết nhân này dùng trí quán sát còn chẳng tìm được nguồn, vì nhân này vô y, vô y tức là xưa nay chẳng sinh. Nhân xưa nay chẳng sinh thì làm sao sinh ra quả, cho nên như quả kia vốn chẳng sinh.

Kinh nói: Nhân này còn không, làm sao có quả? Nghĩa là nói: Nhân chẳng phải thật có. Nhân đã không phải chân thật thì không bao giờ sinh ra thật quả. Phải biết quả vốn chẳng sinh. Lại nhân ấy bản tánh vắng lặng thì phải biết tướng quả cũng giống như thế. Nếu đối với pháp duyên khởi như thế mà nói có nhân có quả tức là Biến kế sở chấp, rơi vào Đoạn thường, một khác, chẳng vào Trung đạo. Cho nên chứng biết chân ngôn như thế, lia hẳn nghiệp nhân, nên tức là pháp giới. Kinh nói: Phải biết quả chân ngôn, đều lia nhân nghiệp, nói nhân là pháp có thực hành. Nhân đã có làm thì phải biết quả, quả cũng có làm. Đã có làm thì làm sao có thể thành chân thật. Phải biết quả lia nhân nghiệp.

Kinh nói: Cho đến thân chứng xúc Tam-ma-địa Vô tướng, là nói các tướng nhân quả này vọng tưởng cho nên có chánh quán sát thì vốn không có chỗ trụ. Vô trụ nên quả chẳng thể sinh, tức đồng với vô vi, cho nên nếu người tu nghĩ rằng: Ta tụng chân ngôn, tu hạnh chân ngôn sẽ được thành quả luống tự lừa dối mình. Nếu chân ngôn này tuy từ duyên khởi mà thật vô tác, từ xưa đến nay vốn là pháp giới, không sinh không diệt, chẳng tịnh chẳng nhiễm, pháp thể như thế làm sao được thành?

Kinh nói: Chân ngôn sẽ được, Tất-địa từ tâm sinh, phải biết hạnh chân ngôn là chỉ dùng phương tiện mà thanh tịnh tâm mình. Nếu ba nghiệp thanh tịnh thì sẽ ở trong đó mà tự mình rõ biết, mà tu được giác ngộ. Ví như có người trong mộng tu hành các thứ sáu độ mà thanh tịnh cõi nước Phật. Giác thấy thì không thành tướng quả, chỉ là trong tâm một niệm vô minh mà có nhân quả muôn hạnh. Lại như trong căn nhà tối mà có kho báu, dùng phương tiện đốt đèn sáng lên, tuy nhân duyên sinh diệt suy ra chẳng thật có, vốn đồng với không, nhưng cũng nói pháp nhậm vận sinh khởi, vì tâm rõ nhân duyên nên thấy kho báu, chẳng phải kho báu này do phương tiện mà sinh. Tu hạnh chân ngôn vốn là dứt hoặc nghiệp còn sót. Đương thể nó hiển bày pháp giới vô sinh diệt, tịnh nhiễm, lia các phân biệt. Biết thể chân ngôn này tức là thể pháp giới. Nếu hiểu biết thể chân ngôn tức đồng pháp giới bằng đại không tự nhiên thì sẽ được Tam-muội Vô tướng. Tất-địa hiện tiền phải sinh tin hiểu như thế.

Bấy giờ, Kim Cang Thủ bạch Phật rằng: Cúi mong thành tựu lại nói câu Chánh đẳng giác, câu Tất-địa thành tựu, tức là như trên đã nói, một chữ có thể sinh bốn chữ cho đến cùng khắp pháp giới, đây tức là cầu tâm Phật. Nay hỏi pháp thành tựu trong đây. Các thiện nam, thiện nữ thấy pháp này, tâm được vui mừng, thọ an vui trụ pháp giới bất hại. Đây tức là tùy theo đây mà tu giác. Nếu được thành tựu gọi là thấy pháp. Thành tựu là dùng đời này mà được thấy đấng. Vì thấy pháp tức là nghe Phật nói pháp thành tựu này đấng sẽ thâm (vào sâu) được pháp hỷ, trụ hạnh an lạc hiện pháp lạc trụ cho nên xin hỏi. Pháp giới Bất hại là ý nói chẳng phải trong pháp giới này có chỗ hại ngại, cho đến thọ các thứ vui đời, mà vui đời tức là pháp giới chung chẳng do đây mà ngại hại tổn pháp giới. Cho nên bất hại. Vì sao? Vì Thế Tôn pháp giới là tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tức gọi là thế giới không thể suy nghĩ bàn luận. Cho nên Thế Tôn chân ngôn môn tu hạnh Bồ-tát của các Bồ-tát. Được thông đạt pháp giới ấy chẳng thể phân tách phá hoại. Nhưng bốn chữ này rất ráo thành tựu, cùng pháp giới không có chỗ ngại hại. Bốn câu này đều là tâm Phật, đâu thể dùng tâm Phật mà hại pháp giới ư? Trụ ở thành tựu này và pháp giới không hai không khác, cho nên là không hại ngại. Đây Tất-địa pháp giới kia đều không hại. Vì sao? Vì pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên Vô Lượng Phật được đạo thành tựu, mà pháp giới chẳng thêm, vô lượng chúng sinh diệt độ mà pháp giới chẳng bớt. Nếu chúng sinh thắng tấn thì cũng chẳng thêm ích lợi, nếu phá phiền não thì cũng chẳng bị tổn hại, cũng tức là thế giới không thể suy nghĩ bàn luận, tánh đồng Kim Cang chẳng thể phá hoại. Nếu có ngại hại thì có kia đây, có kia đây thì sẽ phá hoại. Nay không hại ngại nên chẳng phá hoại. Phải biết bất hoại cũng là nghĩa chẳng thể phân tích, tức là các thứ môn, các thứ thế, xuất thế đồng một pháp giới, chẳng thể phân tách khiến thành một thể riêng. Người tu nếu thông suốt được như thế thì được thấy pháp thành tựu.

Đức Thế Tôn bảo Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Lành thay! Lành thay! Bí Mật Chủ! Ông khéo hỏi Như Lai ý nghĩa như thế. Tức nói lại khen Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ, vì thương xót người tu hạnh chân ngôn ở vị lai nên hỏi câu hỏi như thế, các ông phải lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ. Nay ta sẽ giảng nói. Ý này là bảo hội chúng rằng: Các ông phải nghe kỹ và khéo suy nghĩ. Ta sẽ nói cho các ông nghe việc ấy.

Bí Mật Chủ thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Con rất muốn nghe. Lại nói: Đức Thế Tôn thương xót cùng khắp, chấp thuận câu hỏi này mà giải thích cho.

Phật bảo Bí Mật Chủ rằng: Hãy lấy tự môn A mà làm thành tự, ấy tức là ở câu Chánh Đẳng Giác mà làm pháp thành tự. Nếu ở chỗ Tăng, hoặc trong hang núi, hoặc ở tịnh thất, tùy ý ưa thích và giải thích các bí mật (Bí giải thích là Ngâm giải thích) như trên rồi thì dùng chữ A mà khắp bày tất cả chi phần. Cầm ba Lạc-xoa, nghĩa là dùng tâm khắp bày chữ A này từ đầu đến mắt, tai... cho đến khắp trong thân ngoài thân. Lại tụng chữ này thì ba Lạc-xoa liền thành.

Lại đó nói rằng: Bốn tôn, hạt giống và viên minh là ba, chữ ở trong viên minh, viên ở trên tâm Bốn tôn. Khi quán một thành thì ba đều tự thành, một duyên ở ba cảnh này nên gọi là ba Lạc-xoa. Lạc-xoa nghĩa là thấy. Tụng ba Lạc-xoa này rồi đến đêm trăng sáng ngày rằm gọi là trăng tròn. Ý vẫn tụng ba Lạc-xoa xong kể vào đêm trăng tròn đem hết chỗ có mà cúng dường. Đây gọi là trăng sáng ngày rằm thành tự Mạn-đồ-la. Khi thực hành pháp này thì lấy hết chỗ mình có mà cúng dường Tam bảo để thành tự pháp này. Khi thực hành thành tự pháp này cũng tụng chữ này.

Khi thực hành pháp này cho đến Phổ Bồ-tát Hiền, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Chấp Kim Cang... hoặc các Thánh thiên khác hiện ra, xoa đầu bảo rằng: Lành thay! Hành giả! Ở đây giải thích rằng hoặc các Kim Cang khác, chẳng thể có tiêu chuẩn nhất định, tùy có một Tôn vị đến là thành tự. Nhưng khi thấy cũng nói tướng thượng, trung, hạ. Nếu thân thấy rõ ràng như đối trước mắt không khác, là thượng thành. Nếu chỉ nghe tiếng hiện ra chỉ bảy giáo lợi hỷ là trung thành. Nếu mộng thấy... là hạ thành. Lại khi thấy sáng tối khác nhau, tức biết có chướng, không chướng... Như thế khi Bốn tôn hiện ra che chở, liền phải đánh lễ dâng nước át-già tức là nước hương hoa, lại thêm năm giống thóc báu... như trên đã nói.

Tức thời liền được tâm Bồ-đề, Tam-muội chẳng quên. Người tu nhờ được Tam-muội này mà thân tâm mình đều được nhẹ nhàng. Lại dùng thân tâm nhẹ nhàng như thế mà tụng tập thì sẽ được sinh tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh. Nghĩa là dùng sự nhẹ nhàng này mà khắp tưởng niệm tụng trì thì thân... năm căn thanh tịnh. Như trong phẩm sáu căn đã nói: Muôn tướng đều thấy thì sẽ biết được tâm Phật. Vì thân tâm thanh tịnh mà được tùy sinh, thân ý sinh tùy niệm mà sinh. Tùy sinh thành nhân niệm tụng làm thanh tịnh, liền được tùy sinh thân tâm thanh tịnh. Nếu ở ở tai mà trì thì sẽ được Nhĩ căn thanh tịnh. Đây là hiểu người tu này muốn Nhĩ căn thanh tịnh, thì tướng khắp bày chữ A ở tai mà sau mới tụng niệm, thì liền được Nhĩ căn thanh tịnh nghe giữ chẳng

quên. Sẽ nghe được pháp Phật nói ở mười phương cho đến tiếng các vị trời... cũng như kinh Pháp Hoa nói.

Kinh nói: Dùng tự môn A làm hơi thở ra vào, ba thời suy nghĩ.

Người tu lúc bấy giờ năng trì tụng thì tuổi thọ lâu dài trong nhiều kiếp. Đây nói tự môn A Bồ-đề tâm chẳng sinh chẳng diệt. Nếu muốn sống lâu thì tưởng chữ A cùng thở ra vào. Nếu người yếu mạng thì tưởng niệm một ngày ba thời sẽ được sống lâu. Bí thuyết là chữ, câu và bốn tôn là ba thời. Nếu muốn nhiếp tất cả độc thì tưởng chữ A ấy, hoặc tưởng ở thân mình hay thân người khác. Nếu được tự tại thì tưởng chữ này ở chỗ có độc, dần dần khắp thân mà chạy xuống. Chất độc dưới chữ cũng dần dần xua đi, đuổi xong dứt hết. Độc có hai thứ: Một là vật độc, hai là hữu tình độc, nghĩa là chất độc của rồng rắn. Nếu Bí thuyết, thì độc là ba độc. Khi đầy ba độc muốn trừ bỏ thì cũng làm như trước, nghĩa là xua ra cho hết. Nguyên La-nặc mà được yêu kính, tức dùng tự môn A mà ứng độ, nghĩa là nếu muốn cho người kính mến và quy y, thì tưởng chữ A này ở trên thân mình, tưởng chữ A này ở trên thân người ấy, ở thân mình tưởng cầm thương khư lại tưởng người ấy cầm hoa sen cùng nhìn nhau trong tâm tụng chữ A này. Nếu người ấy nổi giận kiêu mạn thì cũng tức là tâm kính yêu thuận phục. Bí nói: Nếu muốn nhiếp phục tâm ấy thì tưởng mình thành chữ A, tưởng tâm thành chữ A, tâm có hoa sen, tay có Thương-khư mà khiến thuận nhau thì sẽ nhiếp phục được. Tất cả việc khó hàng phục cũng hàng phục được, nghĩa là trên phiên não và tùy phiên não. Phật lại bảo Kim Cang Thủ rằng: Các Như Lai có ý sinh, gọi là nghiệp đùa giỡn múa may, thì từ tâm Phật nghiệp sinh mà làm các thứ múa may, đùa giỡn. Các tướng múa may, đùa giỡn tức là khắp hiện sắc thân, tùy loại hiện thân trong sáu đường. Múa nghĩa là các thứ thân biến huyền thuật, tùy việc mà hiện nhiều loại, chẳng thể nói hết. Bốn giới nhiếp trì, nghĩa là đất, nước, lửa, gió, tuy hiện thân này trong ngoài y chánh, nhưng đây là tâm vương an trụ đồng với hư không, hư không thường chẳng động mà bao dung tất cả. Cho nên chỉ từ tâm Phật nghiệp sinh, tùy tâm mà có, thể đồng với không nên chẳng thể chấp. Thấy (kiến) tức là các thứ múa may đùa giỡn. Không phải thấy (phi kiến) là Lý Niết-bàn. Cũng thấy là các thứ pháp môn tu hành của ba thừa, tùy chỗ nguyện cầu mà khiến cho đầy đủ, tức là có thể hiện các việc thấy được, hoặc không thấy được. Cho đến nguyện cầu pháp môn thiên định, trí tuệ rất quý báu, thì cũng tùy loại thị hiện mà ban cho. Cũng như Như Ý Bảo Vương tùy theo tâm cầu tất cả mà ban cho, đấng dẫn thần thông khiến sinh khởi. Tam-ma-tư-đa là nghĩa đấng dẫn.

Lúc đó, Phật Tỳ-lô-giá-na tất cả đại chúng hội nhìn thấy thì bảo Kim Cang Bí Mật Chủ rằng: Kim Cang Thủ múa may tất cả làm thành hoại quả rộng lớn tất cả mà cho là múa may đùa giỡn. Lại khắp hiện sắc thân tùy loại mà thành, làm các thứ ứng, đây chẳng phải chân thật chỉ là như huyễn. Cho nên gọi là Như Lai múa. Cũng như người múa làm vui lòng người. Tuy các thứ ý hiểu biết khác nhau nhưng đều khiến cho tâm vui. Phật cũng giống như thế, nhưng không phải sắc làm bốn quả, tùy tâm ý Phật mà sinh. Từ tâm mà sinh, từ tâm mà diệt. Tuy là thường pháp mà năng tùy duyên sinh diệt, vì sự hưng phế tùy duyên này nên nói quả có sinh diệt, tức là thành hoại. Tích này cùng khắp pháp giới, rộng lớn vô biên, nên nói rộng lớn, làm xong thì diệt. Cho nên nói thành hoại. Rộng lớn thành hoại, thành này tức là nghĩa thay đổi, cho nên hoại. Song thành hoại chính là diệu ứng của Như Lai, từ Phật pháp giới cơ cảm mà sinh. Tuy sinh mà chẳng sinh, tuy diệt mà chẳng diệt, tức đồng với huyễn, chẳng khác pháp giới. Cũng là việc làm chẳng thật nên gọi là múa. Chư Phật ba đời đều thực hành múa này. Đích thân cho tất cả, là ta đích thân ở trước Phật được trao cho pháp này, nay lại đích thân trao cho ông, nên nói đích thân cho tất cả. Nói thân tức là đích thân hiện nay trao cho tất cả quả nguyện. Nghĩa này là chánh. Nói trước làm tướng chân thật, tức là như trên chỗ quán sát hạt giống chân ngôn và Bốn tôn.

Do quán thấy Bốn tôn, thấy rồi liền chuyển thân mình thành Bốn tôn, xoay vần tức nhau chẳng hại ngại nhau. Tức là thấy quả Kim Cang tâm Bồ-đề, cho nên gọi là trước làm tướng chân thật. Như thế thứ lớp mà trụ. Nghĩa là trụ ở chỗ quán trước, tâm nương thiện trụ. Trước đã thấy thật tướng rồi là chữ A.

Kinh nói: Như trước chánh suy nghĩ nghĩa là như văn trên nói suy nghĩ nhớ pháp mà trì niệm. Chữ A tự mình làm và điểm làm rộng tất cả hoàng cực ý vui, Tứ Giác Kim Cang nêu trong ấy, nghĩ nhớ trì tụng chư Phật tất cả ở chữ Quang. Đây là tất cả, Phật sẽ tự nói. Nghĩa là quán chữ A làm sắc vàng sậm, sắc tướng đẹp đẽ khiến người vui trong tâm mình. Lại chữ này kinh nói đều điểm rộng tức là trên chữ lại thêm dấu chấm, tăng thêm tức là rộng. Ở ngoài chữ làm Tứ giác Kim Cang nêu lan can này đồng với ba nhánh Kim Cang. Cổ lại hợp với xoa mà làm, trong đó để chữ. Thấy chữ A này rồi liền chuyển chữ này thành hình Bốn tôn Tỳ-lô-giá-na, tức là thân mình hiện đồng tượng Bốn tôn. Tượng ấy y theo bốn ấn mà làm. Khắp thân Phật này có ánh sáng, đây tức trong tâm Bồ-đề mà thấy thật tướng Phật, cũng như trong tịnh lưu ly mà thấy tượng

vàng ròng, không phải đồng các tâm trong vọng tưởng số khác. Phải thấy biết như thế tức là thấy tâm Phật thật tướng làm thành tựu này, nếu không nghi lo thì sẽ khắp vì tất cả chúng sinh làm lợi ích lớn.

Kinh nói: Nói rất ít có là cũng như người huyễn tức là các thứ việc lạ. Cũng như các Đại Bồ-tát tùy tâm muốn làm lợi ích chúng sinh. Trảng nước như huyễn mà ứng muôn loại đều được thành. Đây tức là câu Tam-muội Như Huyền của Như Lai. Nếu hay làm như thế, tức là từ vô tử sinh nghiệp ác đến nay và quả ba cõi ép ngặt cho đến nghiệp nặng vô gián của hiện thân đều diệt, hướng chi là các thứ khác. Nói tóm lại là quả báo các khổ trong ba cõi đều diệt. Vì sao? Vì cũng như người trì tụng? Vì được trụ ở Tam-ma-tư-đa nên quán thật tướng như thế mà lìa khổ.

Kinh nói: Nếu quán tâm Vô thượng Bồ-đề kia, nghĩa là người này quán tâm Vô thượng Bồ-đề trong tâm mình. Nói tâm, tức là tâm Vô thượng đại Bồ-đề. Nếu trụ ở quán này thì sẽ thanh tịnh được nghiệp thân, miệng, ý. Do có thể tịnh nghiệp nên lìa tịnh và phi tịnh nghiệp. Ý nói có nghiệp như thế sinh, tịnh và bất tịnh đều chẳng thể nhiễm. Kinh nói: Đương nghiệp, tức là sẽ sinh nghiệp tịnh tâm này. Quả này đều chẳng thể ô nhiễm. Vì sao? Vì sẽ tương ứng với lý.

Ví như hoa sen tuy sinh trong bùn nhưng chẳng bị bùn làm nhiễm ô. Như thế là người tu tức đồng chư Phật. Vì sao? Vì năng sinh tất cả các Như Lai. Đây tức là Tôn Phật trong Nhân, ý nói: Mới quán tâm Bồ-đề xong thì liền được quả Như Lai, hướng chi thân hiện chứng mà thành Phật ư? Lại nữa, lúc ấy, Tỳ-lô-giá-na Như Lai lại trụ ở hàng phục bốn ma Kim Cang Hý Tam-muội. Bốn ma hàng phục, sáu đường giải thoát, trí Nhất thiết trí đầy đủ Kim Cang Tự Cú nói, tức trụ ở Tam-muội này thì hàng phục được bốn ma, trừ được phiền não nghiệp khổ của sáu đường mà cùng vui giải thoát, cũng có thể đầy đủ tất cả sự ước nguyện của Thánh phàm. Phật trụ ở định này mà nói nghĩa Kim Cang Cú Chân Ngôn, năm chữ này tức là hàng phục bốn ma Chân Ngôn Cú. A là hạnh, cái gọi là Bốn chẳng sinh hạnh, hai chấm bên là nghĩa dứt sạch, vì nghĩa này mà hàng phục bốn ma, dứt tất cả khổ. Vị là nghĩa được, thêm nét trên là Tam-muội vô giải tức là giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận. La là nghĩa thanh tịnh sáu căn do sáu căn thanh tịnh nên không có trần. Ha nghĩa như trên đã nói. Khư nghĩa trên cũng có chỗ giải thích. Lại Học có ba nghĩa, tức là ba giải thoát của Như Lai, tu hành trừ chướng mà ba giải thoát, mà trụ ở Đại Không. Kế là Đại Không. Khi Phật nói Chân ngôn này thì Kim Cang Thủ và Phổ Hiền... được mở mắt chưa

từng có. Cúi lạy tất cả Đấng Nhất Thiết Trí.

Như thế mà nói: Tất cả, trong tiếng Phạm ý nói không đâu chẳng có, tức là nghĩa kho chứa. Nói năm chữ này là kho, là đủ tất cả tiền của, giàu có. Tất cả chư Phật, Bồ-tát cứu đời, tất cả chư Phật, Bồ-tát cứu đời này là hại của Duyên giác, Thanh văn. Đây là khen đức của Thanh văn, nghĩa là hại các phiền não. Lại giải thích rằng: Tô-la-đa là hại phiền não, hay đi khắp đất, khởi các thứ thần thông. Tiền của giàu có tức là Như Lai pháp bảo (pháp báu của Như Lai) để cho khắp tất cả chúng sinh còn chẳng thiếu. Là đại trí bảo tạng vô cùng như thế, nên gọi là tiền của giàu có. Do giàu pháp tài nên bố thí cho tất cả mà nói môn chân ngôn này trên từ chư Phật, dưới đến Thanh văn đều y vào câu này mà làm các thứ thần biến lợi ích tất cả cho nên nói tùy chỗ đất đi mà hiện các thứ thần lực, nói đất đi tức phàm chỗ đi đến. Như kệ nói: Tìm đất núi rừng khắp vô đẳng. Nói được trí vô thượng, là Phật trí Vô thượng, trí không phải chỉ có thần thông mà thôi. Cũng do câu này mà tất cả Thánh hiền được thành trí tuệ cho đến đồng thành trí Nhất thiết trí.

Nhưng trí của Nhị thừa đối với thế gian cũng gọi là Vô thượng. Nay lại nói Phật Vô Thượng là nói lại, trước khen rồi sau thỉnh. Phật nói rộng năm chữ này theo thứ lớp và các loại Bồ, Tướng... Chỗ chẳng nói ở đây lại thỉnh nói trong đây. Đối với chữ Bồ, chữ Tướng thì thượng, trung, hạ thành. Sắc dụng khác nhau các thứ phương tiện, đều thỉnh Phật nói rộng. Trong các môn thành tựu tiến thú thuận hành pháp này gọi là giáo. Thỉnh tự nói giáo này là thỉnh Phật đích thân giảng nói. Nếu Phật nói rộng pháp này, các hạnh Đại thừa Vô thượng chân ngôn hạnh, là sẽ được thấy pháp, nếu đã thấy cũng chưa mừng. Thấy pháp gọi là chứng đắc. Đương trụ, nghĩa là tự mình đã thấy rồi lại trao cho các chúng sinh. Do thấy việc này nên mình và người đều được pháp lợi Vô thượng, cho nên thỉnh Phật nói rộng.

Kinh này có ba ngàn năm trăm bài kệ nói năm chữ này. Tam-ma-hê-đa dịch đúng nghĩa là trụ tâm một cảnh. Phật muốn nói câu Kim cang khắp khiến đại chúng trụ vào cảnh nhất tâm mà nghe, muốn thực hành pháp thành tựu Kim cang chân ngôn này, trước khiến làm tòa Kim cang. Như Phật khi sắp thành đạo ở đạo tràng Kim cang. Lại trừ tòa này thì không có tòa nào khác hơn đây.

Lúc ấy, Đại Kim cang từ đất hết cả địa tế. Địa tế này gia trì hạ thân vì muốn nói chữ A. Ý nói chữ này là hơn hết, là chữ bậc nhất. Gia trì là muốn nói pháp này trước phải gia trì tự thân. Tức hạ thân, nghĩa là từ dưới rốn trở xuống tướng đều thuận là Kim cang. Đây là trong ngoài,

trong là như trên đã nói, ngoài là tướng chỗ ngồi của thân mình trong đàn Kim cang. Đàn ấy như trên đã nói phương tiêu lan gọi là Đại nhân Đà-la, đây là loại cứng nhất trong các thứ Kim cang, có thể phá Kim cang, mà Kim cang chẳng thể phá. Lại là sắc rất vàng, như sắc vàng tử ma. Đây tướng chữ A gọi là Kim cang luân. Ở trong tòa này mà tự suy xét tất cả, tức là tòa Du-già. Đây là chỗ ngồi tu hành ứng lý, tức suy nghĩ tất cả, tức tất cả việc đều ở trong đây mà suy nghĩ, việc nhiều nên nói là tất cả.

Trên mới giải thích chữ A làm toàn cảnh, kể nói chữ A thanh dài. Đây là chữ A mạng căn thứ nhất, vì làm sống các chữ nên gọi là mạng. Nếu không có chữ A thì các chữ khác không thể sinh, nên gọi là mạng thứ nhất. Đây là nhiếp câu triệu. Nếu tướng chữ này thì năng nhiếp triệu. Trường A tức là hành, nếu gặp chữ A tức dẫn dắt tất cả Phật hành, cho nên nói nhiếp triệu. Nhiếp triệu tất cả pháp trong ngoài. Nhiếp triệu là nhiếp khiến thuộc về mình, là nghĩa tự tại thọ dụng. Tự môn A này nhiếp triệu tất cả công đức Như Lai khiến trở về mình, cũng làm cho đầy đủ tất cả hạnh.

Kế là nói chữ ám. Nếu tướng chữ này thì sẽ nhiếp trừ tất cả độc, bệnh và các chướng. Trong các chướng ngoài đều nhiếp trừ, nội chướng nghĩa là các pháp chướng đạo, chỉ có hiện tiền thì đều dứt trừ. Ngoài chướng là tất cả ngoại vật làm chướng cũng đều dứt trừ hết. Lại trừ các độc các bệnh. Bệnh các thứ đều dứt hết. Lại năng trừ, là cho đến mất tâm liền có thể cứu, khiến được bản tâm. Lại chữ này làm nhiếp tâm một cảnh, nhanh chóng tương ứng với Tam-muội. Nếu tướng chữ này thì được các công đức như trên. Tất cả đều sẽ ban cho. Nói ban cho tức là làm tròn đầy các nguyện mà trao cho quả Tất-địa. Nếu người trì tụng thì trong một tháng liền kết Kim Cang Tuệ Ấn mà tụng chữ Ám này, trong một tháng mỗi ngày tụng ba thời, thì tất cả ngôi thành vô trí đều phá. Tất cả vô minh nhiều loạn của chúng sinh. Bốn hợp bền chắc cũng như lao ngục chẳng thể phá hoại. Dùng môn chữ này có thể phá hoại. Được bất động vững chắc, nghĩa là trời, người, A-tu-la... chẳng thể phá hoại. Nếu muốn làm tất cả việc tăng ích thì đều ngồi ở tòa này. Tăng ích cũng gọi là tròn đầy, nghĩa là làm tròn đầy tất cả nguyện. Nếu Bí thích thì một tháng là một lần thấy. Nếu được thấy pháp nhập vào Sơ địa thì nhiệm vận tăng ích tất cả Tam-muội Đà-la-ni và các địa vị. Nếu khi muốn thực hành pháp Tăng ích này, thì người trì tụng ở trong đàn Kim cang này mà tướng Phật trụ ở Tam-muội có thân sắc vàng ròng. Quan diệm (ngọn lửa sáng) có nghĩa là oai quang. Có oai quang tức là

gồm nói nghĩa Bốn Tôn, Phạm Âm như đây tức là châu tráp viên quang dùng làm mào, đây tức là Đại nhân Đà-la, là Kim cang cứng chắc nhất, tức là nói trí Phật có công năng phá tất cả các thứ khác không thể trừ. Tướng Phật này ở trong đàn vương Kim cang, tùy ý làm tất cả vật thành tựu. Kinh nói: Kim cang hoa sen... nghĩa là tất cả việc này ở trong luân này mà thực hành. Nếu thành tựu pháp Kim cang, thì năm nhánh toàn làm bằng vàng để ở trong đàn mà gia trì. Thượng-khư... thượng trung hạ thành tựu. Cũng như trên nói, nghĩa là đều trì tụng chữ A này. Nếu muốn thành tựu đánh Phật, thì dùng vàng ròng làm đánh Phật mà gia trì pháp này. Nếu được thành, thì đồng với thân Đại Nhật Như Lai, hoặc chẳng thể cần vật khác, chỉ dùng tướng tự tại làm thân Phật mà gia trì, nếu thành thì đồng với thân Phật. Nếu thực hành Kim cang thành tựu mà trì tụng tức là đồng với Bồ-tát Kim Cang Thủ. Hoa sen là dùng vàng làm hoa sen tám cánh, ở trong hoa sen mà trì tụng, nếu thành là đồng với Quán Thế Âm. Đạo cũng có pháp làm, nếu thành là đồng với Đồng tử Văn-thù. Ngõng, pháp thực hành nếu thành thì do đây tự thân mình thành thân Phạm thiên. Ở trong đó thành tựu ngoại tài hoặc thành tựu vàng, hoặc đất, hoặc châu như ý. Chỉ tương ứng với tăng ích, là đều dùng pháp này mà làm, có đủ pháp thượng, trung, hạ. Nói Đại nhân Đà-la quán, nghĩa là ở trong Kim luân mà quán.

